

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

TRƯƠNG MINH HIẾU

**BÀO CHỮA CHỈ ĐỊNH THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG  
HÌNH SỰ VIỆT NAM CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM  
TỘI TỬ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**TRƯỜNG MINH HIẾU**

**BÀO CHỮA CHỈ ĐỊNH THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG  
HÌNH SỰ VIỆT NAM CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM  
TỘI TỬ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. CAO THỊ OANH

HÀ NỘI, năm 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Những tài liệu tham khảo và trích dẫn đảm bảo tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn vừa mang tính kế thừa các công trình khoa học trước đây nhưng chưa từng được công bố trong các công trình khoa học khác.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**TRƯƠNG MINH HIẾU**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO CHỮA CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI</b> .....	7
1.1. Khái niệm bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội .....	7
1.2. Đặc điểm và nội dung bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội .	14
1.3. Bảo đảm quyền bảo chữa của người dưới 18 tuổi bị buộc tội.....	21
1.4. Ý nghĩa của bảo chữa chỉ định.....	26
<b>Tiểu kết Chương 1</b> .....	28
<b>Chương 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BẢO CHỮA CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....	30
2.1. Khái quát quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt nam về bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội .....	30
2.2. Thực tiễn thực hiện bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh .....	40
<b>Tiểu kết Chương 2</b> .....	60
<b>Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH VỀ BẢO CHỮA CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI</b> .....	61
3.1. Yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định về bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội.....	61
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật tố tụng hình sự về bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội .....	67
<b>Tiểu kết Chương 3</b> .....	77
<b>KẾT LUẬN</b> .....	78
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>BLTTHS</b>	: Bộ luật Tố tụng hình sự
<b>BLHS</b>	: Bộ luật Hình sự
<b>CCTP</b>	: Cải cách tư pháp
<b>CQĐT</b>	: Cơ quan điều tra
<b>CQTHTT</b>	: Cơ quan tiến hành tố tụng
<b>CU'QT</b>	: Công ước quốc tế
<b>HĐXX</b>	: Hội đồng xét xử
<b>HTND</b>	: Hội thẩm nhân dân
<b>NBC</b>	: Người bào chữa
<b>QBC</b>	: Quyền bào chữa
<b>QCN</b>	: Quyền con người
<b>TAND</b>	: Tòa án nhân dân
<b>THTT</b>	: Tiến hành tố tụng
<b>TNHS</b>	: Trách nhiệm hình sự
<b>TTHS</b>	: Tố tụng hình sự
<b>VKSND</b>	: Viện kiểm sát nhân dân
<b>XHCN</b>	: Xã hội chủ nghĩa

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1. Thống kê số liệu vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.2. Thống kê số liệu bị cáo là người dưới 18 tuổi được chỉ định bào chữa bị xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, nước ta xây dựng một nền tư pháp dân chủ thể hiện giá trị của quyền con người luôn được tôn trọng và bảo vệ là tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Một trong những quyền cơ bản đó là quyền bào chữa được ghi nhận một cách cụ thể trong tất cả các bản Hiến pháp của nước ta qua từng thời kỳ, tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”*. Như vậy, có thể nhìn nhận sự tiến bộ của Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng thêm các đối tượng được bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo so với các bản Hiến pháp trước đây, cụ thể ngay khi một người bị bắt, đã phát sinh quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho họ.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tại điểm b khoản 1 Điều 76 đã quy định nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ trong trường hợp: *“Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi”*. Như vậy, khi người dưới 18 tuổi, vi phạm pháp luật hình sự thì họ bị chế tài theo quy định của pháp luật nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì Nhà nước ta có quy định riêng trong tố tụng hình sự và các chế định pháp luật mang tính riêng biệt nhằm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp đối với họ. Điều này chứng minh pháp luật hình sự đề cao quyền con người đồng thời cũng là nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với loại tội phạm đặc biệt này.

Tất cả các quy định đó thể hiện tính nhân đạo và hướng tới mục tiêu chung của Nhà nước ta là bảo đảm cho quyền của người dưới 18 tuổi, không bị hạn chế mà còn bổ sung quyền bào chữa cho họ. Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã thể hiện rõ chính sách nhân đạo, có giá trị nhân văn cao trong quá trình lập pháp của Nhà nước Việt Nam, cũng như bảo đảm quyền

của người dưới 18 tuổi phạm tội buộc phải có người giám hộ, người bào chữa chỉ định từ các cơ quan tiến hành tố tụng. Nhưng hiện nay, mặc dù pháp luật tố tụng có quy định nhưng chất lượng về công tác tư pháp chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của đất nước và yêu cầu của thực tiễn, nhiều trường hợp khi tiến hành tố tụng vẫn còn vi phạm các quyền cơ bản như quyền tự do, quyền dân chủ của công dân trong đó có người dưới 18 tuổi, dẫn đến làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp.

Do vậy, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn tham gia về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự Việt Nam một cách toàn diện là cấp thiết, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay của nước ta. Vì vậy, tác giả chọn đề tài: *“Bào chữa chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cho người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”*.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Qua khảo sát cho thấy chưa có công trình nghiên cứu cụ thể nào nghiên cứu về bào chữa chỉ định, cũng như bảo đảm quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội trong tố tụng hình sự đã được công bố nên học viên đã tham khảo một vài nghiên cứu về lĩnh vực bào chữa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như:

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam của TS. Đỗ Thị Phượng, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2007.

- Đỗ Xuân Hồng *“Xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên theo luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2014.

Các công trình trên đã nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc xét xử vụ án có người chưa thành niên, thông qua việc nghiên cứu đó đã đưa ra những giải pháp, nhằm góp phần hoàn thiện những quy định về thủ tục tố tụng và giải quyết những vướng mắc đó trong thực tiễn áp dụng Luật tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên.

- Trần Bình Hưng *“Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành*



*niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án Tiến sỹ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, năm 2013.

- Nguyễn Hữu Thế Trạch “*Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án Tiến sỹ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

Các công trình trên đã nghiên cứu, so sánh quyền bào chữa với các nước, nêu những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn, trên cơ sở nghiên cứu đưa ra giải pháp, kiến nghị hoàn thiện nhưng lại ít phân tích về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Đào Thị Thu Hương “*Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009. Luận văn có sự phân tích sâu về việc bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự, tuy nhiên chỉ phân tích về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa nhưng chưa phân tích sâu về quyền của bị can, bị cáo trong trường hợp bào chữa chỉ định.

Nhìn chung, những đề tài trên chủ yếu tập trung vào các vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như tâm lý của người phạm tội khi chưa thành niên, cho thấy chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, chưa có công trình tập trung nghiên cứu một cách toàn diện cả lý luận và thực tiễn về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự Việt Nam cho người dưới 18 tuổi khi phạm tội.

Do đó, việc nghiên cứu về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự Việt Nam cho người dưới 18 tuổi phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Thông qua việc nghiên cứu sẽ làm rõ thêm quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bào chữa chỉ định, về người bào chữa gồm Luật sư, Bào chữa viên nhân dân, Người đại diện của người bị buộc tội, Trợ giúp viên pháp lý nhưng thông thường luật sư đảm nhiệm do các cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu đến trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Đoàn luật sư nơi đang tiến hành tố tụng nhằm làm

sáng tỏ những vấn đề lý luận về những quy định của pháp luật về bào chữa chỉ định cho người phạm tội dưới 18 tuổi hiện nay. Qua đó, tác giả có kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đảm bảo quyền được bào chữa khi phạm tội đối với người dưới 18 tuổi.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ đặt ra là:

Phân tích một số lý luận cơ bản về quyền bào chữa nói chung của bị can, bị cáo và nói riêng cho người dưới 18 tuổi để làm rõ tính khách quan bảo đảm quyền bào chữa người dưới 18 tuổi phạm tội trong tố tụng hình sự;

- Nghiên cứu vai trò của người bào chữa chỉ định và mối quan hệ giữa người bào chữa với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, từ đó thấy được tầm quan trọng của việc chỉ định bào chữa theo luật định;

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về sự tham gia của người bào chữa chỉ định và ý nghĩa, đối tượng của sự tham gia bắt buộc của người bào chữa;

- Làm rõ khái niệm chủ thể: Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Phân tích thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về đảm bảo quyền bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

- Đưa ra một số kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

Từ thực tiễn xét xử những vụ án hình sự có người dưới 18 tuổi, có nhược điểm về thể chất và người có nhược điểm về tâm thần cho thấy phần lớn việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các em đều do luật sư thực hiện dưới sự chỉ định của Tòa án hay sự phân công của các tổ chức trợ giúp pháp lý Nhà nước. Sự tham gia của Luật sư vào vụ án có người dưới 18 tuổi và người có nhược điểm về tâm thần phạm tội thực sự có ý nghĩa quan trọng, vì quyền lợi của các em càng được bảo đảm hơn nếu luật sư chỉ định tham gia từ giai đoạn khởi tố sẽ tạo tâm lý các em bình tĩnh hơn, đồng thời sự hiểu biết pháp luật của Luật sư cũng sẽ góp phần ngăn

chặn những hạn chế, bất cập có thể xảy ra từ phía cơ quan tiến hành tố tụng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của người dưới 18 tuổi.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu về bào chữa chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định hiện hành của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về bào chữa chỉ định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nghiên cứu thực tiễn về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thông qua số liệu, các báo cáo của Tòa án nhân dân và Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh và các bản án trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài này được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Những quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng về Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp về quyền công dân, quyền con người.

Trong quá trình nghiên cứu sẽ áp dụng phương pháp phân tích, thống kê để chỉ ra được ưu điểm, hạn chế, bất cập của chúng và để xác định những định hướng hoàn thiện hơn khi áp dụng Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Đề tài nghiên cứu về lý luận và đánh giá thực trạng về việc đảm bảo việc bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội trong tố tụng hình sự Việt Nam. Từ đó, kiến nghị phương hướng và các giải pháp để bảo đảm quyền và lợi ích cho người dưới 18 tuổi khi phạm tội. Với kết quả của việc nghiên cứu này thì đề tài góp phần vào việc áp dụng và lý luận sẽ được phong phú hơn về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

Các đề xuất, kiến nghị trong đề tài có thể góp phần làm tài liệu tham khảo khi nghiên cứu, giảng dạy cũng như việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung luận văn gồm ba chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

Chương 2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội và thực tiễn áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÀO CHỮA

#### CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

##### 1.1. Khái niệm bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

###### 1.1.1. Khái niệm quyền bào chữa

Mỗi quốc gia biểu hiện của xã hội văn minh là đề cao quyền con người qua các văn bản pháp lý như: Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người ... Ở Việt Nam, thể hiện cụ thể qua các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 đều có quy định Nhà nước có nghĩa vụ đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”*, tiếp đó khoản 1 Điều 37 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”*. Qua đó, cho thấy quyền con người, quyền công dân được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện. Một trong các quyền của công dân được Nhà nước bảo đảm thực hiện chính là quyền được bảo vệ của người dưới 18 tuổi khi phạm tội cụ thể có quyền bào chữa chỉ định trước các cơ quan pháp luật. Quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi bị buộc tội được ghi nhận rõ nhất trong các Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây gọi là BLTTHS) nhằm giúp cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, giải quyết một cách khách quan, tránh được việc làm oan. Từ đó, cho ta thấy được tầm quan trọng của việc bào chữa chỉ định để bảo vệ đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi đồng thời giúp Tòa án giải quyết vụ án được chính xác.

Bào chữa chỉ định là một trong những chế định pháp lý rất quan trọng. Hiện nay, một trong những điều cơ bản nhất được quy định cụ thể trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013 là công dân được có quyền tự bảo vệ mình trước bất kỳ sự xâm phạm nào nhưng công dân cũng phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Trong các mối quan hệ giữa công dân với cơ quan Nhà nước thì pháp luật hình sự với những chế tài nghiêm khắc, giữa một bên là người người bị buộc tội và một bên còn lại đại diện Nhà nước là các cơ quan tiến hành tố tụng, phải có nghĩa vụ chứng minh hành vi phạm tội của người bị buộc tội là có hành vi phạm tội được quy định trong pháp luật hình sự hay không. Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Do vậy, pháp luật hình sự đã quy định người bị buộc tội có quyền tự bảo vệ mình, để chứng minh không có tội trước các cáo buộc, ý chí áp đặt là phải có tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, đó chính là quyền bào chữa. Quyền này đã được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp năm 2013, trong các Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như các bản Tuyên ngôn về nhân quyền của Liên Hợp Quốc. Bên cạnh đó, việc tranh tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự giữa bên đại diện cho Nhà nước là buộc tội với bên bào chữa là gỡ tội tạo ra cơ chế thuận lợi và công bằng và có hiệu quả, đã giúp Tòa án giải quyết vụ án được chính xác đúng người, đúng tội.

Quyền bào chữa là một chế định quan trọng trong BLTTHS. Tuy nhiên, hiện nay, trong quy định pháp luật hình sự vẫn chưa có một khái niệm chính xác. Do đó, đã xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau về quyền bào chữa, như sau:

- *Quan điểm thứ nhất*, cho rằng người bào chữa là người tham gia tố tụng với nhiệm vụ và mục đích là làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án nhằm chứng minh cho sự vô tội hoặc làm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và giúp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. [5, tr. 131].

- *Quan điểm thứ hai*, cho rằng quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm của mình trong vụ án hình sự. [52, tr. 29-30].

Ngoài ra, trong BLTTHS của các nước cũng có những quy định khác nhau về quyền bào chữa. Cụ thể như:

Theo BLTTHS của nước Bungari quy định quyền bào chữa thuộc về bị can, bị cáo trong đó quyền bào chữa của bị can bị hạn chế, vì họ chỉ có quyền nhờ người bào chữa trong một số trường hợp cụ thể. Đó là: Bị can là người chưa thành niên; Bị can là người có nhược điểm về thể chất và tâm thần, không thể tự mình bào chữa được; khi có sự đồng ý của Viện kiểm sát, nếu sự tham gia của người bào chữa không gây khó khăn cho việc xác định chân lý khách quan về vụ án.

Theo BLTTHS Liên Bang Nga quy định: *“Người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi nhận được quyết định khởi tố bị can, trong trường hợp người bị tình nghi thực hiện tội phạm bị tạm giữ hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trước khi khởi tố bị can thì từ khi nhận được biên bản về việc bắt hoặc nhận quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam”*.

Hiện nay, khái niệm về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự thì được hiểu rất khác nhau và thực tế ở các nước cũng được quy định khác nhau. Nghiên cứu qua các quan điểm khác nhau về quyền bào chữa cũng như những quy định về quyền bào chữa của một số nước. Tuy nhiên, theo khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”*. Theo Điều 16 BLTTHS năm 2015 quy định bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội: *“Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”*. [29, tr. 17]. Như vậy, theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015 thì người bị buộc tội là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Tùy vào từng giai đoạn tố tụng khác nhau nên người bị buộc hay phạm tội có tên gọi khác nhau nhưng đây là một chủ thể - người phạm tội. Do đó, pháp luật hình sự quy định người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam có quyền bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với Hiến pháp khi họ đang bị áp dụng biện pháp chế tài trong tố tụng hình sự. Như vậy, quyền bào chữa xuất hiện từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người, có quyết định tạm giữ hoặc từ khi khởi

tổ bị can. Quyền bào chữa kết thúc khi vụ án được xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật. Trong một số trường hợp đặc biệt, khi những căn cứ của việc buộc tội không còn, chủ thể có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ vụ án thì chức năng bào chữa sẽ kết thúc sớm hơn.

Từ những phân tích và tổng hợp các quan điểm khác nhau nêu trên, có thể đưa ra khái niệm về quyền bào chữa theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam như sau: *“Quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự là tổng hợp các quyền mà pháp luật quy định, cho phép người bào chữa sử dụng để bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc làm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án hình sự”*.

#### *1.1.2. Khái niệm bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

##### *1.1.2.1. Khái niệm người dưới 18 tuổi*

Tại Điều 1 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em có hiệu lực từ ngày 02/9/1990 quy định: *“Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với trẻ em đó quy định độ tuổi thành niên sớm hơn”*, theo Công ước Quốc tế thì trẻ em phải là người dưới 18 tuổi đương nhiên sẽ được hưởng mọi quyền lợi được ghi nhận trong nội dung của Công ước, bên cạnh đó còn có Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên hay thường gọi là Quy tắc Bắc Kinh do Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 29/11/1985 cũng thể hiện rõ người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi, do đó đây là sự kế thừa của Công ước về quyền trẻ em. Tuy nhiên, do sự phát triển của từng quốc gia không đồng đều, nên khái niệm người chưa thành niên ở các quốc gia cũng khác nhau nên Công ước về quyền trẻ em vẫn còn nhiều điều khoản để ngỏ tùy theo từng quốc gia quy định về độ tuổi.

Khái niệm người chưa thành niên và khái niệm trẻ em đều thống nhất ở giới hạn là dưới 18 tuổi, từ đó pháp luật đưa ra quy định về độ tuổi phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa truyền thống của quốc gia đó. Việc quy định độ tuổi phản ánh mục đích và tinh thần tư pháp là để quản lý những người dưới 18 tuổi phạm tội.



Pháp luật nước ta quy định người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi là khái niệm chung, bao gồm cho các quy định trong tố tụng hình sự, đặc thù của người dưới 18 tuổi là có sự hạn chế về nhận thức, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện. Do vậy, việc xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Người dưới 18 tuổi được quy định trong hệ thống pháp luật của nước ta tương đối thống nhất ở các đạo luật: Hiến pháp năm 2013; BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015; Bộ Luật lao động; Bộ luật Dân sự; Luật Xử lý vi phạm hành chính và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Các văn bản pháp luật trong từng lĩnh vực đều quy định độ tuổi để có quy định riêng như trong BLHS năm 1988, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đều quy định một chương riêng về người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong đó, người dưới 18 tuổi là chia làm hai trường hợp: Thứ nhất, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; thứ hai người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Vì ở hai độ tuổi này những đặc điểm về tâm sinh lý có những diễn biến tương đối phức tạp và có đặc trưng riêng theo từng giai đoạn phát triển, cũng như theo quy định của BLHS năm 2015 đã có sự tách biệt độ tuổi để xử lý hình sự khi phạm tội.

Từ những phân tích nêu trên, có thể đưa ra kết luận: *“Người dưới 18 tuổi là người chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, tâm lý và chưa hoàn thiện nhân cách, về các quyền và nghĩa vụ pháp lý so với người đã thành niên cũng không đầy đủ”*.

#### 1.1.2.2. Khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội

Khi người dưới 18 tuổi phạm tội thì sẽ là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo dưới 18 tuổi, nhưng không phải tất cả người dưới 18 tuổi phạm tội đều bị buộc tội và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tại Điều 12 BLHS năm 2015 quy định: *“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác; 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm*

*đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này”.* [27, tr. 14].

Do đó, có thể rút ra được khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: *“Hành vi phạm tội người dưới 18 tuổi là người thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với loại tội phạm và lỗi gây ra tội phạm, người đó thực tế phải chịu trách nhiệm hình sự khi đó cơ quan tiến hành tố tụng cân nhắc tính cần thiết phải xử lý bằng hình sự mà không áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp khác để quản lý, giáo dục và phòng ngừa tội phạm”.*

#### 1.1.2.3. Cơ sở bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

Quy định bào chữa chỉ định xuất phát từ quan điểm nhất quán của Nhà nước Việt Nam là bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự. Đối với một số trường hợp đặc biệt là buộc phải có người bào chữa theo quy định tại Điều 37 BLTTHS năm 1988, Điều 57 BLTTHS năm 2003 và Điều 76 BLTTHS năm 2015. Trong đó, quy định người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Từ đó cho chúng ta thấy, Nhà nước Việt Nam đã chủ động tạo ra thế cân bằng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, vì để thực hiện quyền gỡ tội thì người bào chữa sử dụng các biện pháp hợp pháp theo quy định của pháp luật tố tụng nhằm để bác bỏ một phần, toàn bộ, hay giảm trách nhiệm hình sự cho người bị buộc tội trong vụ án hình sự.

Bên cạnh đó chúng ta có thể nhận thấy quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội cũng giống như quyền bào chữa cho người trên 18 tuổi, theo PGS.TS Nguyễn Thái Phúc cho rằng: *“Thông thường sự tham gia của luật sư phụ thuộc vào ý chí của bị can, bị cáo, người bị tạm giữ. Họ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời luật sư bào chữa. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt luật quy định sự tham gia của người bào chữa vào trong vụ án không phụ thuộc vào ý chí của bị can, bị cáo”.*[26, tr. 41-45]. Tuy nhiên, có những trường hợp phải thực hiện quyền bào chữa theo chỉ định được quy định tại Điều 76 BLTTHS năm 2015 là nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ

định người bào chữa cho họ trong trường hợp sau đây: Bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình. Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

Theo đó, trong các vụ án hình sự, trường hợp đặc biệt luật quy định phải có sự tham gia của người bào chữa trong vụ án đó là bắt buộc vì có đối tượng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015: *“Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi”* [29, tr. 79] và khoản 3 Điều 422 nêu rõ: *“Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”*. Khi chủ thể này hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cử người để bào chữa cho thành viên của tổ chức mình. Trong lý luận khoa học pháp luật gọi đây là người bào chữa bắt buộc và trong thực tiễn pháp luật hình sự gọi là bào chữa chỉ định.

Do đó, trước khi chỉ định người bào chữa cho người phạm tội cơ quan tiến hành tố tụng phải có nhiệm vụ xác định họ có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thuộc trường hợp bào chữa chỉ định hay không, tạo điều kiện cho họ tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm thực hiện quyền này đối với họ. Do vậy, sự tham gia của người bào chữa trong các trường hợp chỉ định có sự khác biệt hơn so với bào chữa thông thường gồm các điểm sau:

- *Thứ nhất*, để cho người bào chữa tham gia vào vụ án phải chủ động thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo từ các cơ quan tiến hành tố tụng bằng cách yêu cầu Đoàn luật sư hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc nơi đang tiến hành tố tụng cử người bào chữa;

- *Thứ hai*, quyết định cử người tham gia bào chữa của Đoàn luật sư hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc để tham gia bào chữa, chứ không phụ thuộc vào ý chí hay sự

thỏa thuận giữa bị can, bị cáo với người bào chữa. Chi phí cho người bào chữa do Nhà nước chịu trách nhiệm thanh toán.

Trong tố tụng hình sự thì bào chữa chỉ định là một quy định nhân đạo, tiến bộ của Nhà nước ta được quy định trong BLTTHS nhằm bảo vệ tốt nhất quyền của người phạm tội dưới 18 tuổi đồng thời cũng có lợi cho chính các cơ quan tiến hành tố tụng để xác định sự thật khách quan của vụ án đang thụ lý, tránh làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Theo quy định tại Điều 422 BLTTHS năm 2015 thì: *“Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”*. [29, tr. 347]. Như vậy, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm thực hiện quyền bào chữa cho người phạm tội trong vụ án hình sự; không phải ai cũng đương nhiên được hưởng quyền bào chữa chỉ định mà chỉ áp dụng cho một số đối tượng theo quy định.

## **1.2. Đặc điểm và nội dung bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội**

### *1.2.1. Đặc điểm bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử của tố tụng hình sự thế giới, đa số không có phân biệt rõ ràng của Nhà nước và cộng đồng xã hội đối với người phạm tội hình sự dưới 18 tuổi trong các vụ án hình sự. Mà đơn thuần người ta chỉ suy luận người dưới 18 tuổi phạm tội là người ít tuổi. Đến nay, Nhà nước đã hình thành quan điểm đối với người dưới 18 tuổi trong các vụ án hình sự và xem đây là đối tượng đặc biệt cần được bảo vệ, từ đó hình thành tư tưởng lập pháp về tố tụng hình sự cho người dưới 18 tuổi khi phạm tội. Tư tưởng này dần hình thành theo xu hướng chung ngày càng có tính nhân văn, trở thành chuẩn mực về sự quan tâm của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội.

BLTTHS năm 1988 quy định tại Chương XXXI và BLTTHS năm 2003 của Việt Nam đã nắm bắt kịp được xu hướng chung này của các nước trên thế giới. Các Bộ luật đã công nhận thủ tục tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi là một thủ tục tố tụng đặc biệt và hiện nay được quy định tại Chương XXVIII của BLTTHS năm 2015. Những thủ tục đặc biệt này thể hiện chỉ áp dụng đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội đồng thời những quy định khác cũng phải phù hợp với BLTTHS năm 2015. Theo Điều 91 BLHS năm 2015 quy định về nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội chứ không đặt nặng về trừng phạt. Trong tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội thì có những quy định nhằm tạo điều kiện và đảm bảo tốt nhất về quyền bào chữa cho họ, hạn chế tối đa việc sử dụng biện pháp mang tính cưỡng chế, tránh ở mức thấp nhất bị ảnh hưởng về mặt tâm lý trong suốt quá trình tố tụng gây ra, ngoài ra còn tích cực làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội của họ để Tòa án xét xử và có một bản án tác động tích cực đến tâm lý của họ. Để phù hợp Công ước Quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã tham gia ký kết thì chính sách hình sự trong tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng cần có những nội dung sau:

- *Thứ nhất*, trong hoạt động tố tụng hình sự phải bảo đảm quyền con người của người dưới 18 tuổi khi phạm tội, những đảm bảo cơ bản nhất là quy định về trình tự và chính sách riêng khi tiến hành những hành vi tố tụng đối với họ.

- *Thứ hai*, quyền con người phải được mở rộng nghĩa là quyền tố tụng đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội so với người trên 18 tuổi, có đầy đủ quyền tố tụng. Ngoài ra, người dưới 18 tuổi khi phạm tội được hưởng những quyền tố tụng đặc biệt để được bảo vệ một cách tốt nhất về quyền và lợi ích chính đáng của họ.

Quyền bào chữa là quyền quan trọng của người phạm tội trong hoạt động tố tụng hình sự. Người phạm tội sử dụng quyền này để nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ việc buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc sẽ loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân trong vụ án. Sự tham gia của người bào chữa thường phụ thuộc vào ý chí của người phạm tội. Họ có thể ủy quyền cho người thân

của mình hoặc trực tiếp mời người bào chữa, tuy nhiên trong một số trường hợp sự tham gia của người bào chữa không phụ thuộc vào ý chí của người phạm tội. Đó là các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015 nếu những chủ thể này, người đại diện, người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ, cụ thể trong trường hợp: Bị can, bị cáo có mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình. Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

Như vậy, người bào chữa tham gia vào vụ án với tư cách bào chữa chỉ định từ yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền nhưng họ không có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án, mà chỉ nhằm chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Sự tham gia của người bào chữa chỉ định theo quy định pháp luật hình sự không phụ thuộc vào ý chí của người phạm tội nhưng sẽ làm tăng tính đảm bảo quyền bào chữa cho họ thể hiện qua sự phản biện trong quá trình tham gia vụ án của hoạt động bào chữa là sự đối trọng với hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội đây chính là một yếu tố nhằm hạn chế sai sót, không làm oan người vô tội trong hoạt động của các cơ quan này đồng thời vì có sự đối trọng với người bào chữa nên buộc các cơ quan tiến hành tố tụng luôn nâng cao nghiệp vụ năng lực chuyên môn cho chính mình, nhằm bảo đảm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đáp ứng ngày càng cao của xã hội trong đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự nói riêng.

Theo Luật Trợ giúp pháp lý những đối tượng được trợ giúp trong đó có người dưới 18 tuổi thì khi có xảy ra sự kiện tố tụng hình sự bắt buộc phải có người bào chữa và theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì người bào chữa bao gồm: Luật sư; Người đại hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân. Sau đó, Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC của liên Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn

thực hiện một số quy định của việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng để thực hiện bào chữa chỉ định, thì Trợ giúp viên pháp lý thực hiện được quyền bào chữa với tư cách là người đại diện hợp pháp của họ. Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm Trợ giúp viên pháp lý cũng là một trong những người tham gia bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 72. Nhưng thực tiễn hiện nay, người bào chữa chỉ định thường chiếm đa số là Luật sư.

Bào chữa chỉ định bắt buộc là tôn trọng quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Quyền con người được ghi nhận và được bảo đảm thực hiện hầu hết trong đời sống xã hội ở mọi tầng lớp nhân dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quyền con người, quyền công dân là trọng tâm để trước khi ban hành pháp luật có sự nghiên cứu kỹ, thấu đáo chú ý nhất là trong tố tụng hình sự vì nó gắn liền và không thể tách rời khi tiến hành giải quyết các vụ án hình sự. Do đó, để bảo đảm quyền con người, quyền công dân cho người phạm tội trong đó có người dưới 18 tuổi thì phải có quy định một số quyền cụ thể, nhất định trong đó có quyền bào chữa.

Như vậy, khi có bào chữa chỉ định thì người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền bác bỏ các chứng cứ buộc tội, do đó các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng buộc phải có trách nhiệm tạo mọi điều kiện cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật để họ được hưởng quyền này tốt nhất có thể. Vì trong tố tụng hình sự thì quyền con người dễ bị xâm phạm và tổn thương nhất đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi nhân danh quyền lực Nhà nước tiến hành tố tụng hình sự để xử lý một người được bị cáo buộc là tội phạm nếu để xảy ra oan sai thì hậu quả rất nghiêm trọng vì nó liên quan trực tiếp đến quyền tự do, quyền được sống của một cá nhân. Vì thế, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 phạm tội đồng thời để đạt được mục tiêu tìm ra được sự thật khách quan, công minh của vụ án thì quy định bào chữa chỉ định phải được bảo đảm, và sự có mặt người bào chữa chỉ định trong các giai đoạn tố tụng, việc bào chữa chỉ định là dựa trên cơ sở tôn trọng quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì người dưới 18 tuổi chưa phát triển đầy đủ về thể chất, nhận thức pháp

luật còn hạn chế, không kiểm soát được hành vi khi có người tác động, tâm lý thường là không ổn định nên không có khả năng bảo vệ cho chính mình trong suốt quá trình tố tụng, Do đó, pháp luật hình sự bắt buộc phải có người bào chữa chỉ định, có mặt tại các giai đoạn tố tụng mà không phụ thuộc vào ý chí của họ, cũng nhằm khẳng định là quyền bào chữa của họ, Nhà nước bảo đảm quyền này được thực hiện và tôn trọng nhằm bảo vệ các lợi ích cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

Bào chữa chỉ định phải được tiến hành theo một trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do vậy, bất kỳ sự tham gia bào chữa chỉ định nào cũng phải tuân theo quy định của từng giai đoạn tố tụng và nộp những giấy tờ cần thiết để được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận bào chữa hay giấy đăng ký bào chữa sau khi được cử tham gia tố tụng. Tuy nhiên, nếu người phạm tội chấp nhận bào chữa chỉ định nhưng muốn thay đổi người bào chữa, thì vẫn có quyền yêu cầu được thay đổi, việc thay đổi này được quy định tại khoản 1 Điều 77 BLTTHS năm 2015: *“Những người sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa: a) Người bị buộc tội; b) Người đại diện của người bị buộc tội; c) Người thân thích của người bị buộc tội”*.

#### *1.2.2. Nội dung bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

Qua nhiều giai đoạn lịch sử tố tụng hình sự cho đến nay, người phạm tội chưa được xác định rõ ràng về địa vị pháp lý nên thường bị xem là có tội, dẫn đến số phận pháp lý của họ hầu như bị tước đi. Hiện nay, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì người phạm tội chưa hẳn đã có tội do đó họ được hưởng các quyền trong quá trình tố tụng. Cụ thể tại khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Quy định này nhằm mục đích là đặt ra yêu cầu các cơ quan và những người tiến hành tố tụng phải thận trọng, khách quan, đề cao tinh thần trách nhiệm làm rõ các chứng cứ buộc tội, hành vi phạm tội cũng như gỡ tội, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, tránh làm oan người vô tội và bỏ lọt người phạm tội được quy định tại Điều 10 BLTTHS năm 1988, Điều 9 BLTTHS năm 2003 và Điều 15 BLTTHS năm 2015.



Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự luôn song hành với sự suy đoán vô tội, không phải là chống lại sự buộc tội mà khẳng định quyền bào chữa là quyền nhằm hạn chế, phòng ngừa sự vi phạm pháp luật của các chủ thể tiến hành tố tụng hay việc buộc tội của những chủ thể tiến hành tố tụng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên họ có quyền khiếu nại, kháng cáo đối với các hành vi, quyết định của cơ quan có tiến hành tố tụng áp dụng đối với họ. Do đó, cần phải phải nâng cao hoạt động tố tụng cho các chủ thể tiến hành tố tụng vì đây là chủ thể đại diện cho Nhà nước thực hiện chức năng buộc tội. Nói cách khác, đảm bảo quyền bào chữa chính là cơ chế thực hiện quyền bào chữa, trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng, các cơ quan Nhà nước khác, các tổ chức xã hội phải tạo điều kiện giúp người phạm tội thực hiện quyền bào chữa theo quy định của pháp luật.

Theo Công ước quốc tế về các quyền chính trị, dân sự quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 là khi bị khởi tố về hình sự, bất kỳ người nào (kể cả trẻ em) cũng có quyền: *“Tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý của người khác theo sự lựa chọn của mình; được thông tin về quyền trên nếu họ không có người bào chữa; và trong trường hợp cần thiết được cử người bào chữa mà không phải trả tiền nếu họ không có đủ tiền để trả”*.

Theo quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015 nêu rõ về việc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội: *“Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy của Bộ luật này”*. [29, tr. 17]. Theo Điều này quyền bào chữa hoặc nhờ người bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội tuy chưa rõ ràng nhưng với quy định thì người dưới 18 tuổi là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đương nhiên sẽ có đầy đủ quyền tự bào chữa hay nhờ người khác bào chữa đồng thời cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội đặc biệt là người dưới 18 tuổi thực hiện quyền bào chữa của mình.

### *1.2.3. Quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi bị buộc tội*

Người dưới 18 tuổi với đặc điểm lứa tuổi là chưa phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý chưa ổn định, có nhiều suy nghĩ và hành vi mang tính nhất thời, cảm tính, chưa có đủ năng lực để kiểm soát hành vi, thêm vào đó thích thể hiện, chứng tỏ là người đã trưởng thành khi có lời nói xem thường hay được tâng bốc. Chính vì thế ngoài những quyền và nghĩa vụ như người đã trên 18 tuổi phạm tội thì pháp luật tố tụng hình sự còn có những quy định dành riêng cho người phạm tội dưới 18 tuổi được cụ thể tại Chương XXVIII từ Điều 413 đến Điều 430, trong đó khoản 3 Điều 422 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”*. [29, tr. 347]. Như vậy, quyền bào chữa cho người phạm tội dưới 18 tuổi được quy định cụ thể trong luật, do họ là người chưa phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, kinh nghiệm sống không có, kiến thức pháp luật còn hạn chế. Cho nên họ không thể thực hiện quyền tự bào chữa cho mình một cách tốt nhất, chính vì điều này pháp luật tố tụng hình sự quy định ngoài quyền tự bào chữa, nếu người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chỉ định người bào chữa cho họ. Đồng thời, thời điểm chỉ định người bào chữa đối với người dưới 18 tuổi bị buộc tội được thực hiện theo quy định tại Điều 74 BLTTHS năm 2015 như sau: *“Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra”*. [29, tr. 77].

### **1.3. Bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi bị buộc tội**

#### *1.3.1. Bảo đảm theo quy định trong pháp luật tố tụng hình sự*

Bảo đảm quyền bào chữa là một trong những nguyên tắc Hiến định đã được ghi nhận trong các Hiến pháp kể từ khi thành lập Nhà nước Việt Nam cho đến nay như: Khoản 4 Điều 31 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa*”, khoản 7 Điều 103 quy định “*Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm*”. Như vậy, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa là cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo thuận lợi nhất cho người bị buộc tội, phạm tội thực hiện các quyền mà pháp luật đã quy định cho họ. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không chỉ nhờ người khác bào chữa mà còn tự mình bào chữa và bổ sung ý kiến vào lời bào chữa của người mình nhờ hoặc người bào chữa chỉ định. Theo Điều 16 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa*”. Nguyên tắc này còn được cụ thể hóa trong các điều luật về quyền của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt; người bị tạm giữ; bị can; bị cáo (Điều 58, 59, 60, 61 BLTTHS năm 2015), quyền và nghĩa vụ của người bào chữa (Điều 72, 73, 75, 77, 422 BLTTHS năm 2015).

Để bác bỏ một phần hoặc toàn bộ các cáo buộc của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc làm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình thì bị can, bị cáo thực hiện quyền của mình mà pháp luật cho phép như đưa ra ý kiến, đồ vật, chứng cứ, có lời đề nghị, kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án ... trường hợp những vụ án theo quy định phải có người bào chữa chỉ định thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa cho họ như người dưới 18 tuổi phạm tội, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa của người phạm tội theo quy định của pháp luật, cụ thể là: Bị can phải được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến buộc tội, nhận quyết định khởi tố bị can, bản kết luận điều tra ngay sau khi kết thúc điều tra, bản cáo trạng, nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng

của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ... để người phạm tội chuẩn bị trình bày lời bào chữa. Ngoài trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm về quyền bào chữa thì phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 10 BLTTHS năm 2015 quy định rất rõ về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, trường hợp có vi phạm thì đây là những vi phạm nghiêm trọng luật tố tụng hình sự và là căn cứ để hủy án.

#### 1.3.1.1. Bảo đảm suy đoán vô tội

Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp năm 2013, Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. [29, tr. 16]. Quy định này nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm chứng minh trong tố tụng hình sự, loại trừ trường hợp chỉ chứng minh một chiều theo hướng suy đoán có tội và định kiến người bị buộc tội, phạm tội cứ bị bắt là có tội. Quy định này, còn bảo vệ được quyền của người bị buộc tội, phạm tội, đem đến sự cân bằng trong hoạt động tố tụng hình sự giữa một bên là các cơ quan tiến hành tố tụng với chức năng buộc tội và một bên là người bị buộc tội, phạm tội với chức năng bào chữa. Đây là sự tiến bộ, bảo vệ chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và lợi ích của việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao về năng lực cho những người tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm.

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Đồng thời người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật hình sự sẽ được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự, người làm trái gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Như vậy, BLTTHS năm 2015 là văn bản pháp lý đầu tiên ghi nhận chính thức nguyên tắc suy đoán vô tội. Ghi nhận này phù

hợp với Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1996 mà Việt Nam tham gia ký kết và là thành viên.

Việc suy đoán vô tội liên quan mật thiết với bảo đảm quyền bào chữa, cũng như bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị bắt, bị can, bị cáo được trình bày ý kiến, lời khai, không buộc phải nhận tội hoặc lời khai chống lại mình. Đây là ưu điểm vì là quyền của người bị buộc tội cơ bản được bảo đảm và trách nhiệm chứng minh phạm tội của cơ quan tiến hành tố tụng được nâng lên cũng là quy định cơ bản và quan trọng trong tố tụng hình sự nước ta. Một người chỉ có tội khi đã có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Nếu chưa có bản án của Tòa án kết tội có hiệu lực pháp luật thì xem như người đó không có tội. Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét xử một người có tội theo trình tự thủ tục mà BLTTHS quy định và khi đó người phạm tội phải chịu hình phạt, kể cả những hậu quả pháp lý khác khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không những vậy, quy định này thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng, đó là trung tâm trong việc bảo đảm quyền con người.

#### 1.3.1.2. Bảo đảm bình đẳng trước pháp luật

Khoản 1 Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”*, điều này đã thể hiện sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Như vậy, giữa bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo và quyền bình đẳng trước pháp luật có mối liên hệ mật thiết đến quyền bình đẳng trước pháp luật. Tư tưởng này là một quy định trong tố tụng hình sự và được cụ thể hóa tại Điều 9 BLTTHS năm 2015 *“Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”*. [29, tr. 14]. Do đó, để thực hiện tốt thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải có nghĩa vụ bảo đảm trong thực tế mọi công dân khi tham gia tố tụng được sử dụng các quyền của mình để thực hiện nghĩa vụ pháp lý một cách thuận lợi và ngang bằng nhất cũng như bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo do pháp luật hình sự quy định.

Tiếp đó, Điều 26 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều*

*có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án*". [29, tr. 21]. Do đó, Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh luận dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Đây là tư tưởng chỉ đạo xuất phát từ chức năng tố tụng hình sự cơ bản và hoàn thiện về trình tự thủ tục tại phiên tòa.

### *1.3.2. Bảo đảm quyền con người*

Quyền con người là những giá trị tự nhiên mà con người được hưởng từ khi được sinh ra, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và được Nhà nước bảo đảm thực hiện gồm các quyền về dân sự, chính trị, được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do và bình đẳng trước pháp luật được quy định như sau:

- Tại Điều 102 của Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân"* và khoản 3 Điều 107 của Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất"*. Theo đó, Viện kiểm sát có nhiệm vụ bảo quyền con người, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự khi có dấu hiệu phạm tội, bảo đảm việc khởi tố phải có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đồng thời sử dụng các quyền năng mà pháp luật trao để phát hiện vi phạm và yêu cầu xử lý vi phạm của các cơ quan, của những người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra nhằm bảo đảm cho pháp luật được nghiêm minh.

- Tại Điều 8 BLTTHS năm 2015 quy định về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và Điều 10 quy định về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, như vậy, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi

những biện pháp nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không cần thiết đối với người phạm tội đặc biệt là người dưới 18 tuổi. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Hiến pháp năm 2013 thì: *“Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”*. Pháp luật hình sự nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay dưới bất kỳ hình thức nào khác mà xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người. Ngoài ra, để minh bạch trong suốt quá trình điều tra, truy tố tại khoản 6 Điều 183 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh”*. [29, tr. 178]. Với quy định này là nhằm chống tra tấn, bức cung, dùng nhục hình để bảo vệ bị can, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo đúng Hiến pháp và còn bảo vệ việc vu khống người hỏi cung.

- Tại khoản 3 Điều 4 và khoản 1 Điều 8 Luật tạm giữ, tạm giam năm 2015 ghi nhận nguyên tắc bảo đảm nhân đạo, không tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay dưới bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị tạm giam. Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 quy định tại Điều 373 tội *“Dùng nhục hình”* là sẽ bị xem vi phạm pháp luật và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tinh thần Nghị quyết của Liên hợp quốc về Công ước chống tra tấn và phù hợp theo BLHS năm 2015 theo hướng tăng nặng hình phạt cho việc giữ, bắt hoặc giam người trái pháp luật, dùng nhục hình, bức cung. Tại khoản 5 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 và Điều 11 BLTTHS năm 2015 hai điều khoản này có sự gắn bó với nhau và cùng mục đích bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, mọi người đều được Nhà nước bảo đảm để thực hiện

- Tại khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định khi: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”* và Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo*

*trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”, cũng như tại khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa” và Điều 16 BLTTHS năm 2015 quy định: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này” thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, phạm tội thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật.*

#### **1.4. Ý nghĩa của bào chữa chỉ định**

##### *1.4.1. Ý nghĩa về mặt pháp lý*

Bào chữa chỉ định theo quy định trong pháp luật tố tụng hình sự góp phần tích cực vào việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm được quyền bào chữa của người phạm tội và người bị buộc theo các trường hợp quy định phải chỉ định là thể hiện sự tôn trọng việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự. Quy định về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự là góp phần vào việc xác định sự thật khách của vụ án, bảo đảm trong quá trình tố tụng không để lọt kẻ phạm tội, không làm oan người không phạm tội, bảo đảm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật.

Thực hiện quy định về bào chữa chỉ định theo quy định là thực hiện những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự tiến bộ như: Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự; tôn trọng và bảo vệ quyền con người; bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật; bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể; bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; bảo đảm quyền bào chữa cho người phạm tội. Ý nghĩa này không chỉ góp phần vào việc xử lý công



minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm đồng thời không làm oan người vô tội mà còn góp phần vào hạn chế những vi phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tránh được tình trạng oan sai làm tổn hại đến uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, giảm lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước và tính công minh của pháp luật Việt Nam.

Bào chữa chỉ định là một quy định có tính nhân đạo của Nhà nước và góp phần vào việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng được quy định rõ tại Điều 75 và Điều 77 BLTTHS năm 2015. Chính vì vậy, muốn thể hiện tốt về bào chữa chỉ định thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải có ý thức tuân thủ pháp luật cao, phải có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi tốt nhất để bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của người phạm tội thực hiện quyền của mình theo đúng quy định “*bảo đảm quyền bào chữa*” thật sự có hiệu quả tốt và đem lại quyền lợi cho người phạm tội trong các vụ án hình sự. Trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như trong việc xử lý các vụ án hình sự bào chữa chỉ định trong pháp luật hình là thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam và rất có ý nghĩa sự đối với đời sống xã hội cụ thể:

*Thứ nhất*, bào chữa chỉ định là thể hiện tính công bằng trong tố tụng hình sự, khi các Cơ quan tiến hành tố tụng khi điều tra, thu thập chứng cứ chỉ chú trọng vào những chứng buộc tội, xem nhẹ những chứng cứ có lợi cho người phạm tội. Chính điều này, pháp luật quy định người bào chữa chỉ định là nhằm tạo thế cân bằng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án, từ đó Tòa án tuyên một bản án đúng theo quy định của pháp luật, trong đó có tính nhân đạo đối với người phạm tội.

*Thứ hai*, pháp luật tố tụng hình sự của nước ta thể hiện tính dân chủ nói chung bào chữa chỉ định nói riêng là nhằm mục đích xây dựng Nhà nước pháp quyền ngày càng hoàn thiện hơn. Vì quyền tự do dân chủ của công dân có liên quan chặt chẽ với hoạt động tố tụng hình sự và cũng là nơi có nguy cơ cao dễ dàng bị xâm hại. Khi người bào chữa chỉ định thực hiện quyền bào chữa là đã góp phần vào việc nâng cao ý thức pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng,

người tham gia tố tụng và nhân dân. Khi bị buộc tội để tự bảo vệ mình người phạm tội phải biết được pháp luật hình sự đã trao cho mình những quyền gì theo quy định trong luật tố tụng hình sự. Đây cũng là hình thức nâng cao kiến thức pháp luật của công dân phải luôn tuân thủ quy định của pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành đồng thời các cơ quan và những người có thẩm quyền tiến hành tiến hành tố tụng phải thường xuyên nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng trong yêu cầu công tác.

#### *1.4.2. Ý nghĩa về mặt chính trị*

Quy định về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự là thể hiện tính nhân văn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, con người luôn đặt vào vị trí trọng tâm của chính sách chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Quyền bào chữa chỉ định được bảo đảm nhất đối với người phạm tội, bị can, bị cáo được quy định trong pháp luật hình sự là chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nó thể hiện sự nhân văn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp cho mọi công dân, kể cả các bị can, bị cáo trong suốt quá trình tham gia tố tụng khi họ không đủ điều kiện mời người bào chữa.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 16 và khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa về quyền bào chữa và những quy định cần thiết cho những người thuộc diện phải có người bào chữa chỉ định chứng tỏ quyền dân chủ, quyền tự do của công ngày càng được Nhà nước Việt Nam mở rộng, tôn trọng, bảo đảm thực hiện để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước thời kỳ hội nhập sâu rộng.

### **Tiểu kết Chương 1**

Nội dung Chương 1 đã trình bày những vấn đề chung về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội gồm các nội dung chính như:

Khái niệm bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội trong tố tụng hình sự được hiểu là một chế định cơ bản, quan trọng không thể thiếu trong BLTTHS của Việt Nam. Chế định bào chữa chỉ định đã được thừa nhận và quy định trong pháp luật hình sự ở Việt Nam, cũng như ở các nước trên thế giới có từ rất sớm

nhưng có những khái niệm, nội dung và tên gọi còn nhiều ý kiến khác nhau. Do đó cần có những lý luận và thực tiễn làm rõ vấn đề này.

Tuy vậy, bào chữa chỉ định vẫn được bảo đảm khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu và quyền lựa chọn hoặc từ chối người bào chữa vẫn được thực hiện đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự Việt Nam mang tính lịch sử và kế thừa, nó bảo đảm pháp lý về quyền của người dưới 18 tuổi phạm tội đồng thời cũng là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng được quy định ở từng giai đoạn lịch sử ngày càng hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn của “*bên buộc tội*” và “*bên gỡ tội*” trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Những điểm mới trong luật hình sự Việt nam về quyền bào chữa và bào chữa chỉ định phần nào đã đáp ứng với thực tiễn, phù hợp với cải cách tư pháp của Nhà nước Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó chúng ta nhận thấy thuật ngữ bào chữa chỉ định mặc dù chưa được thống nhất nhưng vấn đề về quyền bào chữa vẫn được bảo đảm một cách tốt nhất bởi đây là một quy định bắt buộc đối với từng trường hợp cụ thể theo sự thống nhất của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam.

Như vậy, pháp luật quy định rõ người bị buộc tội, phạm tội thuộc trong các trường hợp phải được bào chữa chỉ định nghĩa là phải có sự người bào chữa giúp, vì họ không đủ năng lực tự bảo vệ mình hoặc không có người bào chữa “*gỡ tội*” để có sự cân bằng với bên “*buộc tội*”, nhưng thực tiễn trong tố tụng họ cũng nhận được sự giúp đỡ từ người bào chữa, chứ không mang tính hình thức, ngại va chạm với cơ quan tiến hành tố tụng.

## Chương 2

### QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ BẢO CHỮA CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

#### 2.1. Khái quát quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt nam về bảo chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

*2.1.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 về bảo chữa chỉ định  
cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

BLTTHS đầu tiên của nước ta được Quốc hội nước ta thông qua ngày 28/6/1988 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1989, là một Bộ luật hoàn chỉnh quy định trình tự thủ tục về khởi tố điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối liên hệ mật thiết giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, mục đích nhằm phát hiện kịp thời, nhanh chóng các hành vi phạm tội. Đây là một bước tiến bộ của ngành Tư pháp nước ta vào thời điểm bấy giờ.

Trước đây khi chưa ban hành BLTTHS năm 1988 thì các văn bản pháp luật khác cũng đã có những quy định khá chặt chẽ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khi BLTTHS năm 1988 ra đời đã quy định “Thủ tục đặc biệt” một chương riêng Chương XXXI - Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên gồm có mười điều luật (từ Điều 271 đến Điều 280) quy định về phạm vi áp dụng các biện pháp ngăn chặn và giám sát đối với người phạm tội, việc điều tra, truy tố, xét xử kể cả thi hành án hình sự, sự tham gia đại diện của gia đình, tổ chức xã hội.

Tại Điều 271 BLTTHS năm 1988 quy định: “*Thủ tục tố tụng với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên thì được áp dụng theo quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định chương này*”. Về quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội Điều 273 quy định: “*Nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 62, 63, 64, 68 và 71 Bộ luật này thì có thể bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng và theo quy định tại Điều 58 Bộ*

*luật hình sự*”. Như vậy, những trường hợp người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng sẽ không bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn là bắt, tạm giữ, tạm giam vì có thể dễ bị ảnh hưởng về mặt tâm lý của người chưa thành niên.

Điều 275 BLTTHS năm 1988 quy định: *“Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị can, bị cáo, nếu bị can, bị cáo không tự lựa chọn được. Đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho bị can, bị cáo”*. Vậy trong trường hợp các chủ thể theo quy định được hưởng quyền bào chữa mà không chọn lựa được người bào chữa thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa nhưng họ có quyền từ chối theo quy định tại Điều 37 đối với người bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu chỉ định. Đại diện gia đình cũng phải có mặt tại các buổi lấy lời khai, hỏi cung của Cơ quan điều tra và khi Tòa án mở phiên tòa xét xử.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 1992 ra đời, đã khẳng định quyền bào chữa là quyền cơ bản nhất của người tham gia tố tụng: *“Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm, bị cáo có thể tự bào chữa cho mình hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình, tổ chức luật sư được thành lập để giúp đỡ bị cáo”*. Căn cứ những quy định mới của Hiến pháp năm 1992 nên BLTTHS năm 1988 đã sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1992, 2000 nhằm theo kịp sự phát triển xã hội của đất nước tuy nhiên những quy định quyền bào chữa chỉ định được giữ nguyên không đổi.

*2.1.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

Trải qua 15 năm áp dụng, BLTTHS năm 1988 mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1992, 2000, tuy nhiên do sự phát triển của nền kinh tế, xã hội phát sinh nhiều mối quan hệ mới nên BLTTHS năm 1988 có một số điều không còn phù hợp với thực tế, cần phải sửa đổi trong đó có các quy định về quyền bào chữa chỉ định cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trước tình hình đó, BLTTHS năm 2003 được ban hành, đã khắc phục những mặt hạn chế, bất cập trên.

*2.1.2.1. Các quy định về quyền bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

*Thứ nhất*, tại khoản 1 Điều 56 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Người bào chữa có thể là: Luật sư; Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân*”. Để trở thành người bào chữa thì chủ thể phải đáp ứng theo quy định này. Riêng về bào chữa chỉ định, chủ thể phải có thêm điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003 là: “*Nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình trong trường hợp: Bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự. Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất*”. Như vậy, BLTTHS năm 2003 tiếp tục khẳng định quyền bào chữa cho bị can, bị cáo, người bị tạm giữ là một quy định cơ bản trong pháp luật tố tụng hình sự.

*Thứ hai*, BLTTHS năm 2003 mở rộng và cụ thể hơn về quyền của người bào chữa so với quy định của BLTTHS năm 1988 như: Thừa nhận người bị tạm giữ có quyền có người bào chữa, khi có quyết định tạm giữ một người thì sẽ có sự tham gia của người bào chữa, phạm vi được mở rộng hơn đó là *bào chữa viên nhân dân* được tham gia vào tố tụng hình sự với vai trò là người bào chữa được nêu tại khoản 3 Điều 57 BLTTHS năm 2003. Ngoài ra, người bào chữa còn được đề nghị với Cơ quan điều tra báo trước về thời gian, địa điểm để có mặt ở các buổi hỏi cung, được xem các văn bản tố tụng theo Điều 58 BLTTHS năm 2003.

Những quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa và người tiến hành tố tụng thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Sự tiến bộ của pháp luật hình sự quy định phải có mặt của người bào chữa thường xuyên tại các buổi hỏi cung nhằm khắc phục được hiện tượng dụ cung, ép cung, bức cung và sử dụng nhục hình do sự nóng vội của Cơ quan điều tra, tránh được sự phản cung khi đưa ra xét xử và đổ lỗi do Điều tra viên ép cung, mớm cung trong giai đoạn điều tra. Bảo đảm quyền bào chữa cho người bị tạm giữ như người bào chữa được tham gia tố tụng

sớm hơn so với BLTTHS năm 1988, cụ thể các quy định trong trường hợp nào buộc phải có người bào chữa chỉ định khoản 2 tại Điều 57 BLTTHS năm 2003 là những vụ án mà có người phạm tội chưa thành niên được tiến hành theo những thủ tục chung nhưng phải theo những quy định riêng về bào chữa chỉ định là nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Khoản 1 Điều 36 BLTTHS năm 1988 quy định: *“Người bào chữa tham gia tố tụng khi khởi tố bị can”* như vậy chỉ được thực hiện quyền bào chữa của mình kể từ khi có quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra nhưng tại khoản 1 Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định: *“Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ”*. Điều 11 BLTTHS năm 2003 thì người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa cho bản thân khi bị buộc tội, phạm tội. Tuy nhiên, các quy định này chưa rõ ràng, cụ thể nhưng người chưa thành niên cũng có quyền tự bào chữa như người đã thành niên theo quy định chung của pháp luật. Trong vụ án hình sự có người phạm tội dưới 18 tuổi thì quyền và lợi ích hợp pháp của họ phụ thuộc hoàn toàn vào người bào chữa, nếu trong trường hợp họ thực hiện quyền bào chữa cho mình thì cũng có nhiều bất lợi bởi nhận thức của người chưa thành niên còn hạn chế, tâm lý không ổn định... Do đó, việc quy định người bào chữa cho người chưa thành niên phạm tội thì phải quy định cụ thể các quyền, nghĩa vụ của người bào chữa. Điều 19 BLTTHS năm 2003 quy định: *“... người bào chữa... có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án”*. Đây là quy định được xem là nguyên tắc tố tụng tiến bộ thừa nhận vai trò người bào chữa trong các vụ án hình sự.

Tại khoản 1 Điều 56 BLTTHS năm 2003 quy định người bào chữa có thể là: Luật sư; Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị buộc tội, phạm tội dưới 18 tuổi trong các vụ án hình sự thì thông

thường và phổ biến là đội ngũ luật sư do được mời hoặc được chỉ định còn “ *bào chữa viên nhân dân*” họ chỉ được mời hoặc chỉ định bào chữa cho bị can, bị cáo, người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình, nên vai trò của họ rất mờ nhạt, hầu như người dân ít ai biết đến họ; hay thế nào là “*người đại diện hợp pháp*” luật cũng quy định chung chung không cụ thể, nên hầu như người dân đều chọn luật sư là người am hiểu pháp luật, đại diện, bào chữa cho họ.

Người bào chữa khi đã tham gia vào quá trình tiến hành tố tụng với những hiểu biết pháp luật đã được đào tạo theo quy định và kỹ năng nghề nghiệp của mình, họ sẽ giúp cho người bị buộc tội, phạm tội là người dưới 18 tuổi thực hiện tốt quyền bào chữa của họ được quy định trong pháp luật hình sự đồng thời giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án thật khách quan, toàn diện và đầy đủ, tránh nghiêng về xem xét một chiều cứ bị tạm giữ để xác minh sự việc có hành vi phạm tội hoặc là có tội. Khi tham gia tố tụng bào chữa cho bị can, bị cáo thì vai trò của người bào chữa là có kết hợp thuận thực giữa việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ cùng với việc bảo vệ pháp chế, tôn trọng pháp luật và bảo vệ sự thật khách quan của vụ án.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, phạm tội là người dưới 18 tuổi và công bằng trong tiến hành tố tụng, công bằng xã hội thì quyền nhờ người khác bào chữa có vai trò rất quan trọng vì giúp cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, nhanh chóng, đúng theo trình tự thủ tục của pháp luật hình sự. Tuy vậy, người bào chữa không phải trường hợp nào cũng được tham gia vào giai đoạn điều tra, lấy lời khai, theo quy định tại khoản 1 Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định: “*....Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra*” đối với các tội được quy định tại Điều 78 đến Điều 92 (gồm 15 điều luật) của Chương XI - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia của BLHS năm 1999.

Tại Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định người bào chữa phải có nghĩa vụ như tôn trọng sự thật và pháp luật, không được làm trái quy định như: Xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật ... đồng thời không được



tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi đang thực hiện bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án mà gây ảnh hưởng, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không được từ chối bào chữa cho người bị buộc tội, phạm tội mà mình đảm nhận từ sự chỉ định bào chữa, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Như vậy, người bào chữa chỉ định có nghĩa vụ quan trọng nhất là thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự trong quá trình tham gia tố tụng, trường hợp vì một lý do khách quan hay chủ quan không thực hiện đúng nghĩa vụ theo luật định cho dù có khách quan, đúng đắn toàn diện và các vấn đề liên quan đến việc bào chữa chỉ định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa, xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Thời điểm tham gia, thay đổi, phát sinh trong bào chữa chỉ định theo quy định BLTTHS năm 2003

Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 BLTTHS 2003: *“Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra”*. Các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003 thì theo Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn *“người bị buộc tội, phạm tội có phải là người dưới 18 tuổi hay không để được hưởng quyền này kể từ thời điểm khởi tố bị can”* và quy định này đã trở thành căn cứ áp dụng cho hoạt động bào chữa chỉ định theo quy định của BLTTHS năm 2003. Nhưng hướng dẫn của Nghị quyết là của Tòa án nhân dân có chức năng xét xử không có giá trị bắt buộc thi hành đối với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Trong quyết định khởi tố bị can có ghi rõ ngày tháng năm sinh của bị can, trường hợp tại thời điểm khởi tố bị

can mà có thông tin chính thức là người dưới 18 tuổi thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm bảo đảm chỉ định người bào chữa cho họ căn cứ vào giấy khai sinh, phiếu.

### 2.1.2.3. Về quyền được bào chữa chỉ định

Điều 49 và Điều 50 BLTTHS năm 2003 quy định cơ bản quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội, phạm tội giữa người thành niên và người chưa thành niên được hưởng như nhau nhưng do nhận thức về pháp luật, tâm tâm sinh lý chưa ổn định nên người chưa thành niên không tự mình thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cho nên để bảo đảm quyền này BLTTHS năm 2003 đã có quy định riêng trong đó có quyền bào chữa được quy định tại Điều 305: *“Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình”*.

Tại Điều 11 BLTTHS năm 2003 quy định việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ bị can, bị cáo và tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003 quy định cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm có người bào chữa tham gia tố tụng: *“Trong những trường hợp sau đây, nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình: ...b) Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất”*. Đây được coi là quy định bào chữa bắt buộc hay bào chữa chỉ định. Trong BLTTHS đã chính thức thừa nhận quyền bào chữa của người bị buộc tội là người chưa thành niên đưa ra quy chế bảo đảm cho người chưa thành niên thực hiện quyền của mình trong thực tế. Đây là một quy định rất tiên bộ của pháp luật hình sự Việt Nam đã bảo đảm quyền con

người, quyền công dân phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt nam là thành viên. Điều này lại một lần nữa khẳng định sự nhất quán về quyền con người được tôn trọng và được bảo vệ của Nhà nước ta, nếu các cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng không thực hiện nghĩa vụ chỉ định người bào chữa trong các vụ án hình sự có người bị buộc tội là người chưa thành niên là vi phạm thủ tục tố tụng.

Như vậy, quyền mời người bào chữa tham gia tố tụng đầu tiên là phải thuộc diện được hưởng quyền bào chữa chỉ định theo quy định của pháp luật hình sự nhưng trước hết phải do người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp thực hiện, chỉ khi mà họ không thực hiện thì các cơ quan tiến hành tố tụng mới yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên tổ chức mình đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003 (như đã phân tích ở trên), người bào chữa khi đã được phân công bào chữa thì bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Do quyền này không phụ thuộc vào ý chí của họ nên khi có sự thay đổi người bào chữa của bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp thì Tòa án sẽ căn cứ vào điều luật cụ thể tại khoản 2, khoản 3 Điều 56 BLTTHS để đồng ý hoặc không đồng ý. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu thay đổi đó thì vẫn tiến hành xét xử vụ án đó theo trình tự thủ tục chung. Trong trường hợp nếu Tòa án xét thấy yêu cầu thay đổi người bào chữa của bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp là có căn cứ, cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện yêu cầu đó là yêu cầu Đoàn luật sư cử người khác bào chữa cho họ.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cho đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu không có người bào chữa cho họ thì quyền lợi hợp pháp của họ có thể không được bảo đảm theo quy định do họ có những hạn chế nhất định về sự phát triển thể chất và tinh thần, chưa nhận thức được pháp luật đầy đủ cho nên gặp nhiều khó khăn. Chính vì điều này nên pháp luật hình sự quy định bắt buộc phải có sự tham gia của người bào chữa trong các vụ án này. Đây là sự khác biệt giữa việc bào chữa trong những vụ án hình sự có người chưa thành niên thực hiện so với những

vụ án mà có người thành niên thực hiện. Việc bảo đảm quyền bào chữa theo BLTTHS năm 2003 phải được bảo đảm thực hiện trong suốt quá trình tố tụng khi có người dưới 18 tuổi phạm tội kể từ thời điểm bị tạm giữ, điều tra, truy tố và đưa ra xét xử và tuyên án tại phiên tòa đó. Quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, góp phần không xảy ra oan sai trong tố tụng hình sự và bảo đảm thực hiện quyền tự do dân chủ của công dân trong đó có người dưới 18 tuổi là chủ thể được quan tâm nhiều hơn.

Việc quy định người bào chữa chỉ định nhằm đảm bảo hơn quyền bào chữa cho người bị buộc tội, phạm tội là người chưa thành niên, đồng thời để giúp đỡ họ về pháp lý, ổn định tâm lý, nhà lập pháp đã có quy định là cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa khi người đại diện hợp pháp của họ không mời được mà muốn có người bào chữa để bảo quyền và lợi ích hợp pháp trước cáo buộc của cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời pháp luật cũng có quy định người bị buộc tội, phạm tội, người đại diện của họ có quyền lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa nhưng cũng ít khi xảy ra trường hợp này.

### *2.1.3. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội*

Xã hội ngày càng phát triển và tình hình tội phạm cũng diễn biến phức tạp dẫn đến một số quy định của BLTTHS năm 2003 không phù hợp. Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập đó Hiến pháp năm 2013 cùng BLTTHS năm 2015 đã quy định về quyền bào chữa có nhiều điểm mới, đáp ứng được yêu cầu, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội, như sau:

Tại Điều 13 BLTTHS năm 2015 cụ thể hóa quy định “*suy đoán vô tội*” nhằm nâng cao trình độ, năng lực chứng minh trong quá trình tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhằm hạn chế việc quy kết người phạm tội và tránh làm oan người vô tội. Quy định “*suy đoán vô tội*” tạo sự cân bằng trong hoạt động tố tụng hình sự giữa một bên là các cơ quan tiến hành tố tụng với vai trò là bên buộc tội và một bên người bào chữa với vai trò là gỡ tội. Nhà nước ta đã thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự bảo đảm lợi ích của

người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao về năng lực của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong chứng minh tội phạm của vụ án hình sự, được quy định tại khoản 1 Điều 31 của Hiến pháp năm 2013 *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”* và Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*, đây là lần đầu tiên Nhà nước ta quy định nguyên tắc này. Như vậy, quyền bào chữa luôn gắn liền với nguyên tắc *“suy đoán vô tội”*, bảo đảm người bị buộc tội, phạm tội không nhận mình có tội trước cơ quan, người tiến hành tố tụng. Điều này cũng phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị mà Việt Nam là nước thành viên.

Ngoài nguyên tắc *“suy đoán vô tội”*, khi tiến hành tố tụng còn có những nguyên tắc quan trọng khác quy định tại Điều 414 BLTTHS năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, do đó cơ quan và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều phải tuân thủ nghiêm để bảo vệ quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi. Sự ghi nhận những nguyên tắc này là điểm đổi mới rất cơ bản về quy định thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, nó đã thể hiện chủ trương, chính sách nhân văn, nhân đạo của Nhà nước ta, tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể bảo đảm việc bảo vệ quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự, đồng thời hoạt động tố tụng này thể hiện quyền lực của Nhà nước sẽ dùng chế tài đối với người vi phạm pháp luật hình sự đã quy định, bắt buộc mọi công dân phải thực hiện. Do vậy, cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng và những người tham gia tố tụng có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện theo đúng quy định khi giải quyết vụ án hình sự có liên quan đến người dưới 18 tuổi, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định gây ảnh hưởng, hạn chế việc bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự. Tại khoản 5 Điều 414 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Bảo đảm quyền bào chữa,*

*quyền được trợ giúp pháp lý của người dưới 18 tuổi*”, đây là nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của đối với người dưới 18 tuổi.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 422 BLTTHS năm 2015 quy định về bào chữa: *“1. Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; 2. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội”*. Đây là một quy định mở rộng, nhân văn, hoàn toàn phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lý và sự phát triển về thể chất của người dưới 18 tuổi so với BLTTHS năm 2003 thì chỉ có quy định *“người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên tự bào chữa hoặc là lựa chọn người bào chữa cho người chưa thành niên”* để mới người bị buộc tội dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa. Điều này, một lần nữa khẳng định cho chúng ta thấy người phạm tội dưới 18 tuổi được hưởng các quyền trong tố tụng như người trên 18 tuổi, đồng thời cũng có những quy định riêng biệt cho họ, cụ thể như các: nhận lệnh giữ trong trường hợp khẩn cấp, được biết lý do mình bị bắt, được biết lý do mình bị khởi tố, khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh**

### *2.2.1. Khái quát tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm thương mại lớn, thành phố dẫn đầu về tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, được ví như “Hòn ngọc Viễn đông” đã đóng góp rất cao cho nền kinh tế cả nước theo chiến lược phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính tốc độ phát triển đó đã thu hút nhiều lao động nhập cư từ các tỉnh thành cả nước về sinh sống và lao động. Tuy nhiên, kèm theo đó là các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm nên tình hình tội phạm tại thành phố Hồ Chí Minh khá phức tạp, ngày càng gia tăng và mạnh động hơn về phương thức, thủ đoạn, tính chất, mức độ nguy hiểm, trong đó phải kể đến tội phạm dưới 18 tuổi. Điều này gây không ít khó khăn và ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự do người phạm tội dưới 18 tuổi.

Những đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi ngày càng gia tăng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do từ nhiều nguyên nhân trong đó các nguyên nhân chủ yếu là: Do nhận thức pháp luật, do đặc điểm tâm sinh lý... Mặt khác, người dưới 18 tuổi sự thiếu quan tâm của gia đình, nhà trường, xã hội, mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường không mật thiết, thiếu sự giám sát nên có cuộc sống buông thả, tự do, bị cái xấu cám dỗ dẫn đến dễ đi vào con đường phạm tội.

Trong những năm qua, thành phố Hồ Chí Minh tình hình trật tự xã hội được chính quyền, các sở ban ngành quan tâm sâu sát, cơ bản ổn định tuy nhiên tội phạm chưa có chiều hướng giảm nhất là đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Qua công tác thu thập số liệu từ báo cáo thống kê về việc thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 có thể thấy tình hình xét xử sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân hai cấp đã thụ lý tổng cộng 1.684 vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi với tổng cộng 2.148 bị cáo. Trong đó đã đưa ra xét xử 1.276 vụ án (tỷ lệ 75,77%) với 1.615 bị cáo là người dưới 18 tuổi (tỷ lệ 75,18%), được thể hiện ở các bảng sau:

**Bảng 2.1. Thống kê số liệu vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Thụ lý		Đã xét xử		Tỷ lệ % án đã xét xử so với án thụ lý	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2013	495	620	377	459	76.16	74.03
2014	405	534	310	407	76.54	76.21
2015	288	333	226	262	78.47	78.67
2016	238	320	171	228	71.84	71.25
2017	258	341	192	259	74.41	75.95
Tổng	1.684	2.148	1.276	1.615	75.48	75.22

Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017.

Qua số liệu Bảng 2.1 nêu trên, chúng ta thấy tình hình tội phạm những năm gần đây tăng giảm khá phức tạp, đặc biệt đối với tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Tỷ lệ bị cáo là người dưới 18 tuổi bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử so với tổng bị cáo được đưa ra xét xử hàng năm giao động từ 1.95% đến 3.82%.

**Bảng 2.2. Thống kê số liệu bị cáo là người dưới 18 tuổi được chỉ định bào chữa bị xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Tổng số bị cáo xét xử	Số bị cáo dưới 18 tuổi xét xử	Số bị cáo dưới 18 tuổi xét xử (2)		Tỷ lệ % (2)/(1)	Tỷ lệ % (3)/(2)	Tỷ lệ % (4)/(2)
			Số bị cáo bào chữa tự nguyện	Số bị cáo bào chữa chỉ định			
	(1)	(2)	(3)	(4)			
2013	12001	607	148	459	5.05	24.38	75.62
2014	12453	526	119	407	4.22	22.62	77.38
2015	11554	329	67	262	2.84	20.36	79.64
2016	11689	287	59	228	2.45	20.55	79.45
2017	11378	332	73	259	2.91	21.98	78.02

Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017.

Quan sát vào Bảng 2.2 này, thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 số bị cáo bị đưa ra xét xử có xu hướng giảm dần, tuy nhiên số bị cáo dưới 18 tuổi so với tổng số bị cáo đưa ra xét xử có tăng giảm bất thường. Năm 2014, số bị cáo bị xét xử tăng mạnh so với các năm liền kề. Số bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng có tăng và chiếm số lượng cao so với các năm. Người dưới 18 tuổi phạm tội có hành vi tương đối đa dạng, tập trung vào nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, xâm phạm quyền sở hữu và nhóm tội về ma túy, cụ thể: Năm 2013: Có 377 vụ án đã xét xử, 459 tổng số bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, 148 vụ do mời người khác bào chữa, 311 vụ do bào chữa chỉ định. Năm 2014: Có 310 vụ án đã xét xử, 407 tổng số



bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, 119 vụ do mời người khác bào chữa, 288 vụ bào chữa chỉ định. Năm 2015: Có 226 vụ án đã xét xử, 262 tổng số bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, 67 vụ do mời người khác bào chữa, 195 vụ do bào chữa chỉ định. Năm 2016: Có 171 vụ án đã xét xử, 228 tổng số bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, 59 vụ do mời người khác bào chữa, 169 vụ do bào chữa chỉ định. Năm 2017: Có 192 vụ án đã xét xử, 259 tổng số bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, 73 vụ do mời người khác bào chữa, 186 vụ do bào chữa chỉ định.

Qua số liệu liệt kê nêu trên, nhận thấy nhu cầu người phạm tội dưới 18 tuổi nhờ người bào chữa chỉ định để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình ngày càng tăng. Cụ thể: Năm 2013: Có 32,2% vụ mời người bào chữa, còn 67,8% vụ là người bào chữa chỉ định. Năm 2014: Có 29,2% vụ mời người bào chữa, còn 70,8% vụ là người bào chữa chỉ định. Năm 2015: Có 25,6% vụ mời người bào chữa, còn 74,4% vụ là người bào chữa chỉ định. Năm 2016: Có 25,8% vụ mời người bào chữa, còn 74,2% vụ là người bào chữa chỉ định. Năm 2017: Có 28,1% vụ mời người bào chữa, còn 71,9% vụ là người bào chữa chỉ định.

Tuy hiện nay, người bào chữa chỉ định còn hạn chế về số lượng nhưng cũng đáp ứng được khi các cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu bào chữa chỉ định. Việc tham gia của người bào chữa chỉ định đối với người phạm tội dưới 18 tuổi có ý nghĩa quan trọng trong tố tụng, giúp cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm dân chủ, tránh được tình trạng oan sai.

Trong chủ trương, đường lối xét xử, Tòa án nhân dân tại thành phố Hồ Chí Minh luôn đảm bảo việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi là phải bảo đảm quyền, lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, ưu tiên giáo dục cải tạo tại cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức về tính chất, hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào các đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội, yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Khi xét thấy các biện pháp miễn

trách nhiệm hình sự hoặc các biện pháp giáo dục khác không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa phạm tội thì áp dụng hình phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng được hưởng mức án nhẹ hơn mức người trên 18 tuổi phạm tội. Điều này xuất phát từ đặc điểm và độ tuổi của người dưới 18 tuổi chưa phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do người dưới 18 tuổi khi có hành vi phạm tội thường có tâm lý hoang mang, lo sợ nên người bào chữa trợ giúp họ về mặt pháp lý, tâm lý vô cùng quan trọng và cần thiết. Mặt khác, sự tham gia tố tụng của người bào chữa vào giai đoạn này là yếu tố bắt buộc để bảo đảm cho việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đúng theo trình tự luật định.

*Ví dụ thứ nhất:* Vụ án “Cướp bánh mì” xảy ra trên địa bàn quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh do Ôn Thành T., sinh ngày 10/9/1998 (khi phạm tội 17 tuổi 1 tháng 9 ngày) và Nguyễn Hoàng T., sinh ngày 15/8/1998 (khi phạm tội 17 tuổi 1 tháng 27 ngày), bị Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 BLHS năm 1999. Bản án hình sự sơ thẩm số 325/2016/HSST ngày 20/7/2016 tuyên các bị cáo Ôn Thành T. và Nguyễn Hoàng T. bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức về tội “Cướp giật tài sản”. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hoàng T. là người bị Ôn Thành T. rủ rê, lôi kéo đi cướp giật tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi, còn hành vi của Ôn Thành T. là người chủ động rủ rê và sử dụng phương tiện chở bị cáo Nguyễn Hoàng T. để cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội cả hai bị cáo là người dưới 18 tuổi, tài sản chiếm đoạt có giá trị thấp với nguyên nhân cả hai bị cáo quá đói, tài sản bị cướp được thu hồi và trả lại cho bị hại. Ngay sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy vậy, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức lại có nhận định bị cáo Nguyễn Hoàng T. có nhân thân không tốt do có hành vi trộm cắp tài sản và đang bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố theo Cáo trạng số 117/CTr-VKS-HS ngày 05/5/2016. Do Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức có nhận định như vậy nên đã tuyên hình phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T. mức án cao hơn bị cáo Ôn Thành T. là đánh giá chưa đúng, chưa toàn diện, chưa khách quan vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bởi tại thời điểm đưa

vụ án ra xét xử, bị cáo Nguyễn Hoàng T. chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xét xử bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi trộm cắp tài sản của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thì đương nhiên Tòa án nhân dân quận Thủ Đức không được xem đó là tình tiết tăng nặng, là tái phạm. Do đó, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T. 10 tháng tù là quá nghiêm khắc, trong khi bị cáo Ôn Thành T. là người rủ rê chỉ tuyên phạt 08 tháng 20 ngày tù. Các bị cáo kháng cáo, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét lại bản án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên miễn trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo vào ngày 15/9/2016. Cũng như việc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam đối với các bị cáo thật sự là không cần thiết vì các bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự có người phạm tội dưới 18 tuổi, việc xác định độ tuổi để áp dụng quy định về bào chữa chỉ định là vấn đề khá phức tạp và cũng khá phổ biến hiện nay. Do vậy, để thống nhất căn cứ xác định độ tuổi của người phạm tội dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm quyền được bào chữa chỉ định nên các ngành trung ương hướng dẫn chi tiết tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/7/2011 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định đối với người phạm tội dưới 18 tuổi trong BLTTHS tại Điều 6 xác định tuổi của bị can, bị cáo: *“Việc xác định tuổi của bị can, bị cáo là người chưa thành niên do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác ngày, tháng, năm sinh của bị can, bị cáo thì tuổi của họ được xác định như sau: 1. Trường hợp xác định được tháng sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày thì trong tháng đó lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; 2. Trường hợp xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; 3. Trường hợp xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm,*

*nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm đó thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; Trường hợp xác định được năm sinh cụ thể nhưng không xác định được ngày tháng sinh của bị can, bị cáo thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; 5. Trường hợp không xác định được năm sinh của bị can, bị cáo, là người chưa thành niên thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi của họ”. Thông tư này là văn bản pháp lý quy định áp dụng về độ tuổi bị can, bị cáo là người chưa thành niên và việc xác định độ tuổi do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định pháp luật. Tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư liên tịch trên đã nêu: “Trường hợp không xác định được năm sinh của bị can, bị cáo là người chưa thành niên thì phải tiến hành giám định để xác định độ tuổi của họ” quy định này chưa rõ ràng về phương pháp nào giám định, giám định ra sao để sử dụng được trong vụ án. Hiện nay có nhiều cơ quan giám định tư pháp khác nhau nên cho ra kết quả giám định khác nhau. Vì vậy, Nhà nước cần phải quy định rõ căn cứ pháp lý thống nhất trong việc giám định về độ tuổi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, để tránh trường hợp họ có thay đổi về độ tuổi pháp luật, độ tuổi tự nhiên dẫn đến khó khăn, sai lệch khi xác định độ tuổi làm căn cứ pháp lý để cử người bào chữa chỉ định tham gia giải quyết vụ án.*

*Ví dụ thứ hai: Vụ án Sỳ Vĩnh S. cùng đồng phạm bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử vào ngày 16/3/2017 về tội “cố ý gây thương tích”. Trong vụ án này, số bị cáo được xác định và đưa ra xét xử là 15 bị cáo, thì có đến 8 bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong suốt giai đoạn điều tra, truy tố cho đến khi đưa ra xét xử đều được Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu chỉ định người bào chữa nhằm bảo đảm quyền bào chữa cho các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Các luật sư tham gia tố tụng trong vụ án từ gia đoạn điều tra đều được các cơ quan và người có thẩm quyền tố tụng tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt quyền bào chữa. Cuối cùng Bản án số 33/2017/HSST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân tuyên đúng người, đúng tội*

trên cơ sở tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Sau khi bản án tuyên thì chỉ có 3 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### *2.2.2. Những bất cập, hạn chế trong bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

Theo các số liệu thực tiễn đã nêu tại Bảng 2.2, có thể nhìn nhận rằng việc bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được một kết quả đáng ghi nhận. Tuy vậy, bên cạnh đó cũng vẫn còn một số hạn chế như sau:

#### *2.2.2.1. Hạn chế từ phía người bào chữa*

Người bào chữa thông thường chưa được đào tạo về kỹ năng để có những hiểu biết về tâm lý học hoặc không có kiến thức về khoa học giáo dục tâm lý cũng như cách làm việc sao cho đạt hiệu quả đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định người bào chữa có nghĩa vụ: *“Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo”*. Thông thường, người bào chữa chưa thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình mà pháp luật đã quy định, họ không mạnh dạn, kịp thời đề nghị với các cơ quan tiến hành tố tụng về những chứng cứ có lợi cho người mà mình bào chữa, họ chưa thực hiện triệt để việc tham gia lấy lời khai của người dưới 18 tuổi phạm tội, tiến hành thu thập các tài liệu, đồ vật, những tình tiết liên quan đến vụ án, từ các cơ quan, tổ chức cá nhân và những người thân thích của những người này ... để xuất trình đến các cơ quan tiến hành tố tụng làm căn cứ chuẩn bị cho việc bào chữa của mình, họ chưa thật sự sử dụng mọi biện pháp do luật định làm sáng tỏ những tình tiết xác định người dưới 18 tuổi phạm tội, vô tội hoặc những tình tiết làm giảm trách nhiệm hình sự cho họ, thậm chí từ chối bào chữa mà không có lý do chính đáng. Còn đối với luật sư bào chữa chỉ định thì các Cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia, nhưng nhiều luật sư lại chưa ý thức trách nhiệm của mình khi tham gia tố tụng, miễn cưỡng tham gia cho xong việc, chiếu lệ.

Bên cạnh đó, một số luật sư bào chữa chỉ định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng có thái độ không tích cực, sao chụp hồ sơ không đầy đủ, nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, khi họ tham gia phiên tòa xét xử mang tính hình thức, qua loa. Họ chưa coi trọng việc bào chữa chỉ định, thiếu tinh thần trách nhiệm, làm theo hình thức xem như là nghĩa vụ, hiếm khi tranh luận với đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, không đi sâu vào đánh giá các tình tiết có lợi cho bị cáo, đưa ra ý kiến tại phiên tòa một cách chung chung, không tiếp xúc trực tiếp với người dưới 18 tuổi phạm tội tại trại tạm giam, chưa nhiệt tình tìm những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nếu xét thấy những tình tiết đó có lợi cho bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét, được hưởng sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Trường hợp người bào chữa chỉ định thiếu trách nhiệm vắng mặt tại phiên tòa với lý do bận quá nhiều việc, mà chỉ gửi bài bào chữa hay có mặt tại phiên tòa chỉ thay mặt cho người dưới 18 tuổi phạm tội xin giảm nhẹ hình phạt chứ chưa thực sự bảo vệ quyền lợi cho họ ... điều này dẫn đến thiếu sự tranh luận công khai tại toà với nguyên nhân xảy ra tình trạng nêu trên mà người bào chữa đưa ra là họ không có đủ thời gian xem hồ sơ vụ án mà ngày đưa vụ án ra xét xử đã đến, hoặc người bào chữa chỉ định đưa ra ý kiến là thù lao cho mỗi vụ án thường là rất thấp. Mặt khác, có trường hợp khi Đoàn luật sư nhận được yêu cầu, đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng cử người bào chữa theo quy định thì họ chưa có thái độ tích cực hợp tác, để xảy ra tình trạng chậm trễ trong việc cử người bào chữa, từ đó gây không ít khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan có thẩm quyền.

#### 2.2.2.2. Hạn chế từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

Hiện nay, chưa có cơ quan và người tiến hành tố tụng chuyên trách để giải quyết những vụ án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định BLTTHS quy định nên trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án thực tế không có sự phân biệt giữa việc giải quyết vụ án do người dưới 18 tuổi phạm tội với người trên 18 tuổi phạm tội và thành phần của Hội đồng xét xử được ghi trong thông báo đưa vụ án ra xét xử đôi khi còn ghi không đúng với quy định là Hội thẩm nhân dân phải là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chẳng hạn như, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân của huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh số 112/2017/HSST ngày 15/4/2017 xét xử vụ án “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo Lê Quỳnh S., sinh ngày 09/02/2000. Trong thành phần của Hội đồng xét xử có hai vị Hội thẩm nhân dân nhưng không ghi rõ chức vụ, nghề nghiệp hiện tại của hai vị này nên không biết ai là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Còn về quyền và nghĩa vụ của người dưới 18 tuổi phạm tội, đôi khi các Cơ quan tiến hành tố tụng chưa tích cực giải thích rõ cho họ biết họ có những quyền gì cụ thể và nghĩa vụ họ ra sao trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử; đặc biệt là họ có quyền nhờ người khác bào chữa hay tự mình bào chữa hoặc được bào chữa chỉ định theo quy định của pháp luật, chính vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi phạm tội.

2.2.2.3. Hạn chế cơ sở vật chất, trình tự thủ tục tại phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội

Từ BLTTHS năm 1988 đến BLTTHS năm 2003 đều có một Chương riêng quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng các phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội trong thời gian qua và hiện nay khá giống với phiên tòa xét xử người thành niên phạm tội, cụ thể việc xét xử được tiến hành tại những phòng xử án chính thức cho cả đã thành niên và người dưới 18 tuổi phạm tội, không có sự khác biệt từ cách trang trí, bố trí phòng xét xử, nội quy phiên tòa và chịu sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Do không khí phiên tòa quá nghiêm trang, với tâm lý người dưới 18 tuổi không ổn định nhạy cảm, dễ bị tổn thương bởi có sự tác động môi trường và thái độ của người lớn làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Do đó, người dưới 18 tuổi phạm tội cần có môi trường xét xử phù hợp hơn, thân thiện hơn. Còn quá trình hoạt động điều tra khi lấy lời khai, hỏi cung, phúc cung người dưới 18 tuổi vẫn còn tình trạng sử dụng chung phòng với người thành niên phạm tội. Một số trường hợp, khi Điều tra viên, Kiểm sát viên hỏi cung người dưới 18 tuổi xác định họ là bị can nhưng lại không có người đại diện của họ hay người bào chữa đã gây sợ hãi, căng thẳng, tâm

lý sự Công an nên họ cho lời khai không đúng sự thật khách quan, gây bất lợi cho chính bản thân mình.

Nhằm để khắc phục những hạn chế trên, BLTTHS năm 2015 đã quy định với nhiều điểm mới, tiến bộ áp dụng đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội. Trong đó, ngày 30/6/2016 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành quyết định thành lập Tòa Gia đình và Người chưa thành niên tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đây là Tòa Gia đình và Người chưa thành niên đầu tiên trên cả nước với thẩm quyền xét xử các vụ án hôn nhân và gia đình, các vụ án dân sự, hình sự liên quan đến người chưa thành niên, thể hiện một sự quan tâm đúng mức của Nhà nước Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi trong bối cảnh đất nước trong tiến trình cải cách tư pháp mạnh mẽ, nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến người dưới 18 tuổi nói chung, lĩnh vực tố tụng hình sự nói riêng.

2.2.2.4. Hạn chế ý thức của người bị buộc tội, phạm tội là người dưới 18 tuổi, và người đại diện hợp pháp của họ

Ngoài những yếu tố từ người bào chữa và cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thì còn có nguyên nhân không nhỏ xuất phát từ người dưới 18 tuổi phạm tội đó là ý thức của họ về quyền tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa, kể cả quyền được bào chữa chỉ định, thậm chí họ đã được cử người chỉ định bào chữa rồi vẫn không có ý định hợp tác hoặc từ chối người bào chữa chỉ định, gây khó khăn cho việc xét xử. Hoặc trường hợp, khi họ phạm tội dưới 18 tuổi thì phải có người bào chữa trong quá trình điều tra, lấy lời khai, nhưng đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thì người phạm tội đã đủ tuổi thành niên thì lúc này họ có được quyền tiếp tục nhờ người bào chữa chỉ định nữa hay họ phải tự mình bào chữa theo quy định vì đã thành niên, hay họ từ chối luôn người bào chữa mặc dù người bào chữa đã theo suốt vụ án từ khi bắt đầu lấy lời khai khi họ chưa đủ 18 tuổi.

*Ví dụ thứ ba:* Bản án hình sự sơ thẩm số 406/2013/HSST ngày 24/12/2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử vụ án “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Ngọc M., sinh ngày 24/12/1995. Tại thời điểm phạm tội bị cáo M. chưa đủ 18 tuổi nhưng tại thời



điểm xét xử bị cáo đủ 18 tuổi nên đã từ chối, không yêu cầu người bào chữa cho mình, mặc dù, người bào chữa chỉ định đã tham gia từ giai đoạn điều tra, sẵn sàng bào chữa miễn phí trong giai đoạn xét xử nhưng bị cáo M. và người đại diện hợp pháp vẫn từ chối. Khi xét xử để bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, Hội đồng xét xử hỏi bị cáo có tranh luận, bào chữa, bổ sung gì không thì bị cáo Trần Ngọc M. chỉ có xin giảm nhẹ hình phạt mà thôi.

*2.2.3. Những nguyên nhân bất cập, hạn chế trong việc thực hiện quyền bào chữa của người phạm tội là người dưới 18 tuổi*

#### *2.2.3.1. Những hạn chế trong quy định của pháp luật*

Qua nghiên cứu và tìm hiểu BLTTHS năm 2003 và một vài văn bản có liên quan quy định cũng còn nhiều hạn chế, bất cập đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền bào chữa của người phạm tội dưới 18 tuổi, đồng thời cũng ảnh hưởng đến kết quả trong việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự, cụ thể là:

*Thứ nhất*, theo Điều 302 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán khi tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì phải là người có hiểu biết cần thiết tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người dưới 18 tuổi*”. Tuy nhiên, luật không quy định rõ như thế nào là người có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục, người này có phải qua đào tạo chính thức hoặc bồi dưỡng ngắn hạn và thường xuyên hay không. Chính vì vậy, khi tiến hành tố tụng dễ dẫn đến chất lượng điều tra, truy tố, xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội dễ vi phạm về quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể đặc biệt được Nhà nước bảo hộ, nhất là khi người tiến hành tố tụng nôn nóng muốn khai thác thông tin để kết thúc vụ án.

Những hạn chế này, đã được BLTTHS năm 2015 điều chỉnh, quy định cụ thể và chặt chẽ hơn, cụ thể tại Điều 415 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Người tiến hành tố tụng đối với những vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội phải là người đã được đào tạo, có kinh nghiệm, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi*” thì mới được tiến hành tố tụng đã phần nào giúp

cho vụ án được giải quyết tốt hơn, khách quan và chính xác hơn. Còn quy định về người tiến hành tố tụng phải có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử và hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi là mang tính chủ quan cao, vậy người tiến hành tố tụng thời gian công tác đối với người dưới 18 tuổi bao lâu thì tích lũy được kinh nghiệm và giải quyết được bao nhiêu vụ án cùng loại, cũng như hiểu biết đến đâu thì mới được gọi là có hiểu biết cần thiết. Để tránh tình trạng các cơ quan, người tiến hành tố tụng áp dụng không thống nhất thì các cơ quan lập pháp phải có quy định cụ thể thống nhất để các vấn đề trên được áp dụng đồng bộ trong thực tiễn và ngày càng hoàn thiện hơn, để không còn quy định chung chung như: *“Có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục”*, phải chuẩn hóa những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là những Điều tra viên, Kiểm sát viên.

*Thứ hai*, tại điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003 quy định về quyền *“thay đổi hoặc từ chối người bào chữa”* là quy định chưa rõ ràng, cụ thể. Trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội, người đại diện hợp pháp không mời được người bào chữa, thì cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho họ. Người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp vẫn có quyền từ chối hoặc thay đổi người bào chữa. Đối với quyền từ chối thì họ hoàn toàn được từ chối, không cần sự trợ giúp lý của người bào chữa vì họ sẽ tự thực hiện quyền bào chữa hoặc họ từ chối là do họ chưa nắm rõ quy định của pháp luật và chưa được giải thích cụ thể là họ được trợ giúp bào chữa hoàn toàn miễn phí. Nhưng khi họ từ chối người bào chữa để bảo đảm quá trình tiến hành tố tụng không vi phạm tố tụng thì lúc này cơ quan tiến hành tố tụng xem xét quyết định, cần có người bào chữa hay không, điều này không còn phụ thuộc vào ý chí của người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tại điểm c khoản 1 Điều 77 của BLTTHS năm 2015 quy định về quyền *“thay đổi hoặc từ chối người bào chữa”* đã khắc phục hạn chế các mặt nêu trên, thì cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm thực hiện khi họ có yêu cầu thay đổi, từ chối người bào chữa. Tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng mà người bào chữa

tham gia thực hiện các thủ tục khác nhau như trong giai đoạn điều tra thì phải gặp được người phạm tội, bị buộc tội trực tiếp để xác nhận việc họ từ chối người bào chữa, Điều tra viên phải cùng người bào chữa trực tiếp gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc họ từ chối. Trong trường hợp họ thật sự từ chối người bào chữa thì phải lập biên bản về việc từ chối đó, nếu thay đổi thì tiến hành chỉ định người khác.

*Thứ ba*, BLTTHS năm 2003 quy định về người đại diện hợp pháp của người bị buộc tội là người chưa thành niên có thể tham gia tố tụng chưa cụ thể vì theo quy định của pháp luật dân sự thì người đại diện hợp pháp là theo đại diện ủy quyền, đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền là người thay họ thực hiện các giao dịch về dân sự, còn đại diện theo pháp luật cho cá nhân gồm cha mẹ đối với con chưa thành niên, trường hợp người chưa thành niên mà không còn cha mẹ thì áp dụng theo quy định về hàng thừa kế như ông bà, cô, bác, chú, dì anh và em.

Tại Điều 57 và Điều 305 BLTTHS năm 2003 xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo người chưa thành niên buộc phải có người đại diện hợp pháp. Tại Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định “*Những quy định chung*” Phần thứ nhất của BLTTHS năm 2003 thì khi người chưa thành niên phạm tội thì phải có người đại diện hợp pháp nhưng không hướng dẫn cụ thể để thực hiện. Trong thực tiễn, khi người chưa thành niên phạm tội thì Cơ quan điều tra thường căn cứ vào Bộ luật Dân sự để xác định người đại diện hợp pháp và tại khoản 3 Điều 303 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “*Cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam*” nhưng lại không quy định trường hợp không tìm được người đại diện hợp pháp thì cá nhân hay đại diện nào sẽ đại diện cho người chưa thành niên phạm tội.

BLTTHS năm 2015 quy định khi người dưới 18 tuổi phạm tội, bị buộc tội thì người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện có các quyền và nghĩa vụ như thế nào không có quy định chi tiết và khi cơ quan tiến hành tố tụng

đã tìm kiếm và xác minh không được người đại diện thì ai sẽ là người tham gia, chứng kiến tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện trong trường hợp bất khả cấp, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phạm tội.

*Thứ tư*, tại khoản 2 Điều 306 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Trong trường hợp cần thiết, việc hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra phải có mặt đại diện gia đình bị can*” có thể thấy điều này chưa thật sự hợp lý, còn chung chung chưa có văn bản pháp lý nào hướng dẫn cụ thể thế nào là “*trường hợp cần thiết*”, nhưng tại Điều 421 BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được vấn đề này là bắt buộc phải có mặt người bào chữa hoặc người đại diện của người dưới 18 tuổi phạm tội khi hỏi cung bị can, đồng thời cũng quy định cơ quan tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian và địa điểm hỏi cung cho người đại diện của người bị buộc tội, phạm tội.

*Thứ năm*, về xét xử kín đối với bị cáo là người chưa thành niên tại khoản 1 Điều 307 BLTTHS năm 2003 quy định cũng chưa chi tiết nên những vụ án xét xử người chưa thành niên phạm tội được tiến hành xét xử công khai mà không được xét xử kín do quy định: “*Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể xét xử kín*” và tại Điều 18 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật Nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai*” quy định này tùy thuộc vào hành vi phạm tội mà người chưa thành niên thực hiện có cần thiết giữ bí mật về đời tư của người phạm tội và gia đình của họ hoặc xét thấy không nên để người khác biết về diễn biến hành vi của họ và theo yêu cầu của người thân hay bản thân người phạm tội, thì Tòa án có thể xem xét quyết định có xử kín không, nếu việc xử kín đó phù hợp quy định và tránh ảnh hưởng xấu đến người phạm tội và bảo đảm tiêu chí là giáo dục người phạm tội trở thành người tốt, điều này thể hiện sự quan tâm đến đối tượng phạm tội là người chưa thành niên của pháp luật hình sự Việt Nam. Tiếp đó, Điều 25 quy định: “*Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng. Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ*

người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai” và khoản 2 Điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín” nhưng trường hợp nào được xem xét là cần xét xử kín, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của những người tiến hành tố tụng.

*Thứ sáu*, những quy định trong BLTTHS năm 2003 về bảo đảm quyền bào chữa chưa hợp lý, sự tham gia tố tụng của người bào chữa còn hạn chế, gây không ít khó khăn khi người bào chữa thực hiện công việc của mình, những vướng mắc gây ảnh hưởng đến quyền bào chữa của người phạm tội dưới 18 tuổi như: Việc cấp giấy chứng nhận bào chữa cho từng giai đoạn tố tụng là không cần thiết, lãng phí, rườm rà, việc tham gia bào chữa không chỉ bảo đảm tốt quyền bào chữa của người phạm tội, bị buộc tội và các đương sự khác mà còn giúp cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ vụ án, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, hoạt động bào chữa giai đoạn khó khăn nhất là giai đoạn điều tra. Trong đó phải kể đến là giấy chứng nhận bào chữa, được xem là rào cản tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn điều tra đối với người bị tạm giữ là trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo các giấy tờ theo quy định. Trường hợp, từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa thì phải nêu rõ lý do. Còn đối với người bị buộc tội là 03 ngày. Khoản 4 Điều 56 BLTTHS năm 2003 quy định là phải cấp giấy chứng nhận nếu không cấp thì phải nêu rõ lý do từ chối nhưng tại khoản 3 Điều 27 Luật Luật sư quy định giấy chứng nhận tham gia tố tụng của luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, điều này có sự mâu thuẫn về giá trị của giấy chứng nhận bào chữa.

BLTTHS năm 2015 đã có quy định mới nhằm khắc phục, thống nhất những mâu thuẫn tồn tại trên và có quy định cụ thể tại Điều 78 về thủ tục đăng ký bào chữa, thời gian được rút ngắn xuống còn trong vòng 24 giờ, quy định cụ thể các loại giấy tờ mà người bào chữa phải xuất trình cho cơ quan tiến hành tố tụng để được đăng ký bào chữa, đồng thời văn bản thông báo người bào chữa tham gia tố tụng có giá trị trong suốt quá trình tham gia tố tụng. Về quy định thì cơ bản BLTTHS năm

2015 khắc phục được nhiều vướng mắc, tồn tại trong thời gian dài của BLTTHS năm 2003 về thủ tục đăng ký bào chữa. Tuy vậy, không có quy định trường hợp người bị buộc tội bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hay quy định cụ thể về thủ tục đăng ký cho người dưới 18 tuổi phạm tội cần rút ngắn thủ tục đăng ký, đặc biệt là người dưới 18 tuổi phạm tội vì đối tượng này cần được bảo vệ ngay từ rất sớm khi bắt đầu áp dụng các biện pháp ngăn chặn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, nhận thức khi không có người bào chữa hoặc người đại diện ở bên cạnh.

#### 2.2.3.2. Những quy định của pháp luật chưa cụ thể, hướng dẫn chưa kịp thời

Mặc dù, BLTTHS năm 2003 quy định một Chương riêng về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên, nhưng chưa có một văn bản pháp luật nào quy định về nghiệp vụ, kỹ năng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự liên quan đến người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy, hiện nay những người tiến hành tố tụng đang kiêm nhiệm giải quyết các vụ án hình sự trong đó bao gồm luôn những người dưới 18 tuổi thực hiện. Trong khi đó tại khoản 1 Điều 302 BLTTHS năm 2003 quy định những người tiến hành tố tụng phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm người chưa thành niên, còn quá chung chung, không cụ thể, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau theo ý chí của những người tiến hành tố tụng ở từng địa phương, từng cơ quan. Do đó, sự “*hiểu biết, cần thiết*” không có chuẩn hóa để thực hiện đồng bộ khi tiến hành tố tụng, từ đó hầu như những người tiến hành tố tụng không đáp ứng được quy định cơ bản của pháp luật hình sự.

Để khắc phục hạn chế này, BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung và có quy định chi tiết, chặt chẽ hơn tại Điều 415 cụ thể: “*Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi*”. Như vậy, đối người đã được đào tạo khi tiến hành tố tụng sẽ đạt kết quả khả quan, nhưng đối với người có kinh nghiệm, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục thì chưa xác định được thời gian kinh nghiệm là bao lâu, hiểu biết như thế nào là cần thiết. Do vậy,

nội dung này phải được làm rõ trong các hướng dẫn liên ngành trung ương như Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an để có sự thống nhất khi áp dụng chung.

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, có Tòa Gia đình và Người chưa thành niên. Để tổ chức các Tòa chuyên trách, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên thực hiện thống nhất trong cả nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các Tòa án chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương giải quyết các nội dung: *Một là*, các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi và có bị cáo là người trên 18 tuổi nhưng có bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần hỗ trợ về điều kiện sinh hoạt trong cuộc sống, học tập do bị hại không có môi trường gia đình lành mạnh, sung túc như các bạn cùng trang lứa khác. *Hai là*, xem xét và quyết định áp dụng các biện pháp khác như xử lý hành chính tại Tòa án, giáo dục tại địa phương có sự giám sát chặt chẽ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. *Ba là*, các vụ việc hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngày 21/01/2016, Tòa án nhân dân tối cao, ban hành thông tư số 01/2016/TT-CA nhằm chỉ đạo các Tòa án phải cần chủ động xây dựng quy chế và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan y tế, giáo dục ở địa phương và trung ương, tổ chức phúc lợi xã hội, ủy ban chăm sóc trẻ em và tòa án để phối hợp giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, đồng thời cũng có ý kiến chỉ đạo quy định cụ thể về thẩm quyền của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, công tác nhân sự, cơ sở vật chất của Tòa án như phải có phòng tư vấn - hòa giải, phòng trẻ em, phòng xét xử phải thân thiện và phòng trợ giúp y tế. Về nghiệp vụ xét xử phải nắm chắc quy định của pháp luật về tư pháp người chưa thành niên. Hiện nay, Tòa án chuyên trách chỉ mới thành lập ở một số tỉnh như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và cũng chưa thành lập

tòa án chuyên trách ở cấp quận, huyện chính vì vậy nên chỉ giải quyết được một phần nào nên không thể giải quyết hết những bất cập đã tồn tại trong thời gian qua.

Những bất cập, hạn chế cơ bản của BLTTHS năm 2003 mà tác giả đã nêu, chỉ ra và đã được BLTTHS năm 2015 sửa đổi, khắc phục hạn chế như trình bày trên. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 vẫn còn những bất cập sau:

*Thứ nhất*, tại khoản 6 Điều 78 BLTTHS năm 2015 quy định: Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp: Người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; Người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa.

Theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ban hành ngày 19/9/2017 của Hội đồng thẩm phán quy định một số biểu mẫu trong gia đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có Biểu mẫu số 13-HS “*Thông báo về việc thay đổi người bào chữa tham gia tố tụng*” khi áp dụng trong thực tế có nhiều bất cập, không thống nhất ở mỗi cơ quan tiến hành tố tụng, ở mỗi địa phương khác nhau. Vì theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 78 của BLTTHS năm 2015 quy định cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục (tức cơ quan đang thụ lý vụ án đó) có phải ra văn bản thông báo việc từ chối hoặc thay đổi người bào chữa hay không ? Hay chỉ cần người bào chữa gặp người bị buộc tội tại Trại tạm giam và xác nhận là được theo khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015.

Theo phân tích trên, người bị buộc tội có thể thay đổi hoặc từ chối người bào chữa bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình tiến hành tố tụng. Vậy trường hợp người bào chữa đã được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy thông báo về việc bào chữa có giá trị pháp lý trong suốt quá trình tiến hành tố, nếu người bị buộc tội yêu cầu thay đổi người bào chữa hoặc từ chối người từng bào chữa rồi lại đồng ý người bào chữa đó lại thì sẽ xử lý ra sao nhất là khi phiên tòa đã diễn ra hoặc nếu trước đó cơ quan tiến hành tố tụng chưa ra thông báo thay đổi người bào chữa hoặc thông báo từ chối người bào chữa. Thiết nghĩ cơ quan lập pháp, cơ quan tư pháp lưu tâm vấn đề này.



*Thứ hai*, BLTTHS năm 2015 không có quy định cụ thể trường hợp trong thời hạn kháng cáo, bị cáo chết đột ngột thì Toà án sơ thẩm xử lý như thế nào. Thực tiễn, nhiều bị cáo đã chết sau khi Toà tuyên án, thì việc thi hành án hình sự mặc nhiên chấm dứt và “*Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ việc chấp hành hình phạt tù vì người bị kết án đã chết*” theo điểm 8.4 Mục 8 Thông tư liên tịch số 02/2006 TTLT ngày 18/5/2006 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người chấp hành hình phạt tù bị bệnh nặng. Do vậy, Nhà nước cũng cần phải xem xét lại vấn đề này để có những giải pháp kịp thời tốt hơn trong thực tế.

2.2.3.3. Những hạn chế từ người đại diện hợp pháp và người dưới 18 tuổi phạm tội

Do người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ về nhận thức pháp luật vẫn còn hạn chế, họ không được giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể nên không nắm được quy định của pháp luật là mình có quyền tự bào chữa hoặc nếu họ không mời người bào chữa thì được cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa chỉ định hoặc họ biết được là mình có quyền mời luật sư bào chữa nhưng ngại điều kiện kinh tế không cho phép và một số trường hợp, họ không có ý thức, xem trọng việc bào chữa cho mình là quan trọng.

Như vậy thực tế cho thấy, người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp do họ chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phải có người bào chữa cho người thân của mình. Đôi khi cơ quan tiến hành tố tụng cũng khá bất ngờ khi người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp từ chối luật sư bào chữa. Điều này có thể nhận thấy là cơ quan tiến hành tố tụng cũng gặp khó khăn không ít cho việc bảo đảm quyền bào chữa cho các em tại phiên tòa. Cơ bản là, về nhận thức của người dưới 18 tuổi phạm tội rất hạn chế, trình độ văn hóa thông thường chưa qua được trung học cơ sở, thậm chí có nhiều trường hợp bị mù chữ, thiếu những kênh thông tin tuyên truyền pháp luật chính thống do vậy họ không thể thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả quyền tự bào chữa của mình.

## **Tiểu kết Chương 2**

Trong các giai đoạn tố tụng thì giai đoạn điều tra vẫn là khó khăn nhất đối với người tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa. Các luật sư tham gia các vụ án bào chữa chỉ định thông thường được cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi hơn khi tham gia các vụ án được mời. Điều này hạn chế việc thực hiện quyền bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đối với các vụ án có mức án cao, ảnh hưởng đến quyền được xét xử công bằng, quyền có đủ thời gian chuẩn bị cho phiên tòa và việc tiếp xúc với người phạm tội chuẩn bị đưa ra xét xử tại trạm tạm giam. Nên cần phải có những biện pháp giải quyết thấu tình, đạt lý hơn.

Thái độ của bị can, bị cáo đối với luật sư trong các vụ án được chỉ định bào chữa thông thường là phải chấp nhận không còn lựa chọn. Vấn đề nhận thức của bị can, bị cáo còn hạn chế hoặc được những người tiến hành tố tụng khuyên bảo không nên thay đổi luật sư vì tội đã rõ rồi. Do đó, việc thay đổi luật sư ít xảy ra do những vấn đề trên chứ không phải do chất lượng nghiệp vụ của người bào chữa. Đây là, vấn đề cần phải có những biện pháp chấn chỉnh, nhằm tạo điều kiện cho bị can, bị cáo lựa chọn người bào chữa có đủ năng lực theo đánh giá của họ. Các Điều ước Quốc tế ghi nhận quyền được lựa chọn luật sư, mà quyền này là được cấu thành trong quyền bào chữa.

Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã thay thế giấy chứng nhận bào chữa bằng thông báo người bào chữa tham gia tố tụng, đây là một quy định nhằm tạo thuận lợi cho luật sư tham gia tố tụng, đơn giản hóa thủ tục và thời gian được rút ngắn, đáng được ghi nhận. Việc gặp bị can, bị cáo tại trạm tạm giam cũng được tạo điều kiện thuận lợi hơn.

### Chương 3

## CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH VỀ BÀO CHỮA CHỈ ĐỊNH CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

### 3.1. Yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội

Quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội là một chế định quan trọng trong pháp luật hình sự, do đó việc hoàn thiện chế định này rất quan trọng, góp phần bảo đảm tính chính xác, khách quan trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bảo vệ được quyền và lợi ích của người bị buộc tội, phạm tội mặc dù họ đang trong quá trình là nghi can, bị can, bị cáo.

Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó nêu rõ: *“Bảo đảm tranh tụng dân chủ giữa kiểm sát viên tại phiên tòa với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác”, “Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa ...”*

Ngày 24/05/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong đó nêu rõ: *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp; xác định đúng, đủ quyền năng và trách nhiệm pháp lý cho từng cơ quan, chức danh tư pháp”*. Trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, bảo đảm toà án xét xử độc lập, đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh: *“Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân, Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra, Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp”* (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...); *“Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động*

*tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”.*

Ngày 02/06/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 49/NQ-TW về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Nghị quyết này là sự kế thừa, phát triển lên một tầm cao mới, đề cập cải cách toàn diện nền tư pháp nước nhà, xây dựng nền tư pháp công lý, dân chủ, nghiêm minh, triệt tiêu cái sai, từng bước hiện đại để phục vụ nhân dân, ngày càng vững mạnh để phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong đó, ngành Tư pháp là trọng tâm, hoạt động xét xử phải được tiến hành thông suốt, có hiệu quả. Nghị quyết cũng có tầm nhìn đưa ra định hướng về hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự, dân sự và thủ tục tố tụng, hoàn thiện chế định hỗ trợ tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp vững nghiệp vụ, sẵn sàng để các cơ quan dân cử giám sát đối với các hoạt động tư pháp, cơ sở vật chất bảo đảm cho hoạt động tư pháp được tốt. Riêng về lĩnh vực tố tụng hình sự, cải cách tư pháp xác định là từ Cơ quan điều tra đến Viện kiểm sát và hoạt động xét xử của Tòa án là trọng tâm, nhưng cải cách cơ quan Tòa án là đặc trưng nhất. Hoạt động trong tố tụng hình sự là thu hút nhiều sự tham gia của các cơ quan từ tư pháp đến hỗ trợ tư pháp kể cả những cơ quan hành pháp. Những nỗ lực cải cách tư pháp, trước hết là tập trung cho lĩnh vực tố tụng hình sự và những những thay đổi trong tố tụng hình sự sẽ là thước đo cho Chiến lược cải cách tư pháp của Nhà nước. Những nội dung trong Nghị quyết số 08, 48 và 49 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp cho thấy trong lĩnh vực tố tụng hình sự là yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiệu quả hơn trong tình hình mới và yêu cầu bảo đảm quyền con người của những người tham gia tố tụng được đầy đủ hơn. Hai yêu cầu trên, có mối quan hệ mật thiết và hỗ trợ cho nhau. Mở rộng và tôn trọng quyền con người của các chủ thể tham gia tố tụng là yêu cầu khách quan của cải cách tư pháp. Phương thức thực hiện tố tụng hình sự là phải có tính dân chủ cao, nhiệm vụ của tố tụng hình sự là phát hiện kịp thời và xử lý mọi hành vi tội phạm và người phạm tội bảo vệ lợi ích của Nhà nước,

lợi ích xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ trật tự xã hội. Giá trị lớn mà nước ta có nhiệm vụ bảo vệ đó là tính dân chủ.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ định hướng xã hội chủ nghĩa Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phương hướng cơ bản thứ bảy là: *“Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do dân, vì nhân dân”* và khẳng định đây là một trong những định hướng lớn và phát triển là *“Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân; Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình”*.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, lợi ích Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức. Quy định rõ thẩm quyền quản lý hành chính gắn liền với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động, tổ chức của các cơ quan tư pháp. Coi trọng chăm lo đời sống hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo đảm và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện những điều ước quốc tế đã ký kết về quyền con người. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan tác động nên việc cải cách tư pháp triển khai thực hiện chưa đạt như kế hoạch đề ra, còn hiện tượng mang ý chí chủ quan khi tiến hành tố tụng, còn xảy ra những án tồn đọng, oan sai.

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”* *“2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng,*

*an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.* Tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.* Tại khoản 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”* và khoản 4, 5 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“4. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”, “5. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật”.* Như vậy, vấn đề hoàn thiện chế định quyền bào chữa của người bị buộc tội, phạm tội rất được Nhà nước Việt Nam quan tâm sâu sắc, vì tạo dựng niềm tin vào nền pháp luật xã hội chủ nghĩa, một nền pháp luật mang tính nghiêm minh, công bằng, dân chủ và tính nhân văn sâu sắc.

Kể từ khi Nghị quyết 08/NQ-TW được ban hành có thể nhận thấy mặc dù các quy định của BLTTHS năm 2003 về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, phạm tội là người dưới 18 tuổi, không có sự thay đổi gì nhiều so với trước đây, nhưng quyền bào chữa trong thực tiễn được bảo đảm thực hiện. Nghị quyết số 48 và 49 của Bộ Chính trị được ban hành vấn đề bảo đảm quyền và lợi ích của người phạm tội trong tố tụng hình sự như quyền con người được mở rộng, tôn trọng và được bảo đảm thực hiện. Có thể nói, các Nghị quyết trên của Đảng đã từng bước đưa vào cuộc sống được nhân dân đón nhận và thực hiện một cách triệt để vì phù hợp và đáp ứng được kỳ vọng của nhân dân, và đó là nền tảng có ý nghĩa quan trọng để tiếp tục cải cách tiếp theo. Tiếp tục đánh giá tác động chính sách pháp luật đối với đời sống xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp thu và điều chỉnh cho phù

hợp với tình hình phát triển của đất nước. Như vậy, Nhà nước xây dựng cơ chế để thực hiện chức năng tư pháp, sao cho bảo đảm được hai yếu tố đó là hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Do vậy, bào chữa chỉ định là một yếu tố rất đóng vai trò quan trọng để làm cầu nối cho hai yếu tố này.

Với chủ trương nhất quán về bảo vệ người dưới 18 tuổi, Nhà nước Việt nam đã thúc đẩy việc bảo vệ trẻ em qua hệ thống pháp luật, trong đó có sự quan tâm đến đối tượng dưới 18 tuổi phạm tội một cách đặc biệt. Điều này nói lên mối quan tâm của Đảng và Nhà nước về người dưới 18 tuổi. Chính vì điều này, trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để họ nhận ra sai lầm và từ đó sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện tốt nhất cho họ tái hòa nhập cộng đồng một cách tự nhiên, không bị kỳ thị. Với những chủ trương như vậy nên trong tổ tụng hình sự Việt Nam đã có những chế định riêng dành cho người dưới 18 tuổi phạm tội trong các vụ án hình sự được quy định tại Chương XXXI BLTTHS năm 1988, Chương XXXII BLTTHS năm 2003 và Chương XXVIII BLTTHS năm 2015.

Với tư tưởng chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng, xác định người dưới 18 tuổi chưa tự chủ được bản thân trong mọi trường hợp do chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, dễ bị lôi kéo, dễ bị kích động, dụ dỗ và xúi giục hành vi trái pháp luật. Vì vậy, để bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ án có người dưới 18 tuổi được khách quan, chính xác, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi phải đúng trình tự thủ tục tố tụng vì đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều quy định khác nhau với người trên 18 tuổi. Tư tưởng này là thống nhất với quy định trong Tuyên ngôn về quyền trẻ năm 1953 và Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 là: *“Trẻ em, do còn non nớt về thể chất và trí tuệ cần được bảo vệ, chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời”*, đồng thời khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”*.

Mặc dù những chủ trương của Đảng được thể hiện trong các Nghị quyết và mới đây là BLTTHS năm 2015 có hiệu lực thi hành đã phản ánh được tinh thần bảo vệ quyền trẻ em đối với trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy vậy, khi áp dụng vào thực tiễn thì, hoạt động cho thấy những hạn chế nhất định như đã trình bày ở phần thực tiễn bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội tại Chương II của Luận văn. Nhưng bên cạnh đó, hệ thống pháp luật của nước ta có thay đổi nhiều mặt theo chiều hướng tích cực. Do nước ta đã hội nhập sâu rộng vào quan hệ quốc tế như tham gia các Công ước quốc tế, đặc biệt là một văn kiện pháp lý chuẩn mực mang tính toàn cầu cơ bản và toàn diện về quyền trẻ em cho đến thời điểm hiện nay đó là Công ước về quyền trẻ em cũng như tham gia: *“Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hạ thấp nhân phẩm được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1984 theo Nghị quyết 39/46 có hiệu lực từ ngày 26/06/1987”* nhưng Nhà nước Việt Nam cũng bảo lưu một số điều luật cho phù hợp với tình hình trong nước. Trong tương lai cũng sẽ tham gia ký kết thêm những Công ước hoặc Điều ước quốc tế, đây là những yêu cầu khách quan đòi hỏi sự tăng cường cho việc bảo đảm người bào chữa trong tố tụng hình sự. Điều này hoàn toàn đúng đắn không những có uy tín với các nước trên thế giới mà còn phù hợp với tư tưởng chủ đạo, nhất quán trong các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách tư pháp trong tố tụng hình sự theo hướng dân chủ, minh bạch, công khai nhưng thuận tiện và chịu sự giám sát của nhân dân đối với các hoạt động tư pháp, tại các phiên tòa phải bảo đảm tranh tụng, phán quyết bản án của Tòa án là phải từ kết quả tranh tụng, đây là một đột phá trong hoạt động tố tụng hình sự. Nhưng chất lượng tranh tụng tại phiên tòa cũng phụ thuộc rất nhiều vào hiệu quả hoạt động của người bào chữa, do nội dung chủ yếu của quá trình tranh tụng tại phiên tòa là sự đối đáp tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Do vậy, Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đã đặt ra những cải cách tư pháp trong tư pháp hình sự với phương châm là phải dân chủ trong tố tụng hình sự, mở rộng từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án.



Để đáp ứng yêu cầu chủ trương cải cách tư pháp của Bộ Chính trị, bên cạnh nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, chúng ta phải quan tâm đúng mức tới việc nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của người bào chữa. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án do trình độ, khả năng hiểu biết pháp còn hạn chế nên người dưới 18 tuổi phạm tội thường ở vào thế yếu hơn so với người tiến hành tố tụng, những quyền do pháp luật quy định cho họ có thể sử dụng để bảo vệ mình dần sẽ trở thành hình thức nếu không được bảo đảm nghiêm túc. Để khách quan thì người dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện quyền bào chữa của mình có hiệu quả thì phải được tạo điều kiện thuận lợi đồng thời phải có người bào chữa tham gia ngay từ đầu. Do đó, Nghị quyết của Bộ Chính trị đưa ra chủ trương cải cách tư pháp, BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 bổ sung nhiều quy định mới về chế định người bào chữa, quy định đầy đủ hơn, rõ ràng hơn về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa tạo điều kiện thuận lợi nhất về mặt pháp lý, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của mình so với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Vì vậy, các chủ thể tiến hành tố tụng, người bào chữa thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

### **3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật tố tụng hình sự về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội**

#### *3.2.1. Giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật*

Để nhanh chóng và kịp thời nâng cao chất lượng hoạt động bào chữa chỉ định, đầu tiên phải kiện toàn hệ thống các văn bản pháp luật có quy định những vấn đề liên quan đến quyền bào chữa chỉ định của người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong đó, BLTTHS là một văn bản pháp lý có ý nghĩa và quan trọng hàng đầu. BLTTHS năm 2015 đã có những điều chỉnh, bổ sung đối với hoạt động bào chữa chỉ định. Nhưng theo quan điểm cá nhân tác giả thì những nội dung cần xem xét đánh giá về vấn đề bào chữa chỉ định bao gồm:

Sau khi phân tích các quy định của BLTTHS năm 2003, các văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn có liên quan và thực tiễn áp dụng các quy định theo quy định pháp luật tố tụng đã thể hiện rõ nét quyền bào chữa chỉ định của người dưới 18 tuổi

phạm tội trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan nên một số vụ án và ở vài nơi quy định quyền bào chữa chỉ định chưa được bảo đảm. Thực trạng nói trên có thể do xuất phát từ sự thiếu thống nhất, hạn chế, vướng mắc từ quy định của pháp luật, sự nhận thức còn chủ quan từ những người thực hiện công việc tiến hành tố tụng, từ người bào chữa và không loại trừ từ sự thiếu tôn trọng và tạo điều kiện cho người bào chữa thực hiện công việc bào chữa của mình từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng ... chưa thực sự đáp ứng những yêu cầu trong công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 đã thông qua BLTTHS năm 2015, về cơ bản đã bổ sung những vướng mắc đã tồn tại của BLTTHS năm 2003 sau một thời gian áp dụng vào thực tiễn. Như vậy, có thể khẳng định BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ trương cải cách tư pháp, Hiến pháp năm 2013 đồng thời hoàn thiện hơn các quy định về trình tự thủ tục điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội, kể cả các quy định về quyền và nghĩa vụ người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng mục đích là tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội và từ đó tạo điều kiện cho việc giải quyết vụ án người dưới 18 tuổi chính xác, khách quan và toàn diện và hiệu quả hơn, thấu tình đạt lý hơn, góp phần vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm là người dưới 18 tuổi.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp và Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 ra đời, kế thừa và bổ sung nhiều điểm mới, khắc phục được các vướng mắc của BLTTHS năm 2003 có những thay đổi đáng kể về quyền bào chữa như: Ngoài những chủ thể là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thì người bị bắt cũng được bảo đảm quyền bào chữa. Quy định người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ thay vì chỉ có quyền được thu thập tài liệu, đồ vật; bổ sung thêm quyền của người phạm tội là được đọc tài liệu liên quan đến mình trong vụ án; Tại điểm d khoản 2 Điều 72 BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm người bào chữa gồm cả Trợ giúp viên pháp lý để giúp đỡ về thủ tục và bào chữa cho những đối tượng thuộc diện chính sách do Nhà nước quy định; tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS

năm 2015 mở rộng đối tượng được bào chữa chỉ định với tội danh có mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; Thời hạn cấp giấy thông báo đăng ký bào chữa được rút ngắn đáng kể và thủ tục cũng được đơn giản hóa và chuyển từ xin cấp giấy chứng nhận bào chữa thành đăng ký bào chữa. Tuy vậy, để bảo đảm quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội nên cần phải hướng dẫn, giải thích các quy định của pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn cho người dưới 18 tuổi, cụ thể:

*Thứ nhất*, khi cơ quan tiến hành tố tụng xét thấy không còn biện pháp nào ngoài việc sử dụng biện pháp ngăn chặn theo Điều 419 BLTTHS năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì người tiến hành tố tụng buộc phải thông báo rõ về quyền và nghĩa vụ, quyền được tự bào chữa và mời người bào chữa. Trường hợp, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội không mời luật sư thì cơ quan tiến hành tố tụng phải gửi yêu cầu đến Đoàn luật sư hoặc Trung tâm trợ giúp pháp lý cử luật sư, trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng cho họ, còn nếu họ chủ động mời luật sư thì ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký bào chữa thì luật sư sẽ được tham gia ngay với các buổi làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng với người phạm tội. Theo quy định tại Điều 110 BLTTHS năm 2015 sẽ giải quyết được những hạn chế trong thủ tục tố tụng “*Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 12 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt*”. Đồng thời luật cũng có quy định: “*Khi lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung cho người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ*” và “*việc lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, hỏi cung bị can phải có mặt người bào chữa hoặc người đại diện của họ*” trong khi đó theo quy định tại khoản 4 Điều 78 BLTTHS năm 2015 với thời gian để người bào chữa làm thủ tục đăng ký bào chữa tối thiểu là 24 giờ thì vấn đề này sẽ rất khó khăn cho Cơ quan điều tra vì chênh nhau đến 12 giờ hoặc là buộc

phải chờ đợi sự có mặt của người bào chữa mới tiến hành lấy lời khai người dưới 18 tuổi phạm tội, hoặc sẽ không chờ thì vi phạm tố tụng. Theo khoản 4 Điều 421 BLTTHS năm 2015 quy định việc lấy lời khai *“không quá 2 lần trong một ngày và mỗi lần không quá 2 giờ”* nhưng không quy định mỗi lần lấy lời khai cách nhau bao nhiêu giờ, điều này cần có văn bản chính thức hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền để áp dụng thống nhất, tránh tinh thần căng thẳng cho người dưới 18 tuổi phạm tội, theo quan điểm tác giả *“mỗi lần phải cách nhau ít nhất là hai giờ”*.

*Thứ hai*, khoản 6 Điều 78 BLTTHS năm 2015 đã quy định: *“Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng”* đồng thời người bào chữa có quyền theo BLTTHS năm 2015 tại khoản 2 Điều 331 quy định: *“Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, có nhược điểm về tâm thần, hoặc thể chất theo quy định của Bộ luật này”*. Như vậy, đã có quy định nhưng việc gặp bị cáo sau phiên tòa sơ thẩm bị hạn chế vì người bào chữa sẽ tiếp tục bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm, nhằm để trao đổi và thống nhất một số công việc để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người dưới 18 tuổi phạm tội, do đó cần có văn bản hướng dẫn người bào chữa có quyền gặp bị cáo là người dưới 18 tuổi sau phiên tòa sơ thẩm trong trường hợp người đó tiếp tục bị tạm giam. Tại điểm a khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015 quy định *“gặp, hỏi người bị buộc tội”*. Nhưng trong thực tiễn áp dụng thì trước khi phiên tòa bắt đầu xét xử, bị cáo sẽ trích xuất di lý từ trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ đến trụ sở Tòa án nơi diễn ra phiên tòa xét xử là do cảnh sát hỗ trợ tư pháp chịu trách nhiệm dẫn giải, đến khi muốn trao đổi với bị cáo trước khi phiên tòa diễn ra cũng gặp không ít khó khăn *“Cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể những trường hợp nào và ai được trao đổi với bị cáo trước và sau khi đã xét xử, chờ nghị án”*.

*Thứ ba*, *“cần phải hướng dẫn bổ sung bằng văn bản chế tài cụ thể đối với những người tiến hành tố tụng do cản trở quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội, quyền hành nghề luật sư hợp pháp được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Luật sư”*. Xét thấy, cho đến nay trong BLTTHS năm 2015 quy định những người tiến hành tố tụng có *“nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm”* vẫn chưa

có những quy định cụ thể nào để xử lý trách nhiệm do có những hành vi cản trở hoạt động hành nghề luật sư. Thực tiễn cho thấy, chưa ghi nhận được trường hợp nào mà người tiến hành tố tụng bị xử lý nghiêm túc và công khai, nếu có chỉ là “*nhắc nhở, rút kinh nghiệm sâu sắc hoặc do nóng vội ...*”, ngược lại nếu người bào chữa có hành vi chưa chuẩn mực đối với cơ quan và người tố tụng hình sự thì sẽ gửi văn bản yêu cầu xử lý người bào chữa đó, thậm chí còn bị đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề và thẻ luật sư. Do vậy, cần thiết là phải có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm của người tiến hành tố tụng như thay đổi người tiến hành tố tụng, khiển trách, cảnh cáo vì họ là những người nhân danh Nhà nước để thực thi nhiệm vụ chống lại cái sai nên buộc họ phải là gương mẫu.

*Thứ tư*, sự phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng với các Đoàn luật sư tỉnh thành rộng khắp cả nước về việc người bào chữa phải thường xuyên sẵn sàng có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu. Như phân tích trên có sự chênh nhau đến 12 giờ nếu thủ tục đăng ký bào chữa được chấp nhận nhanh nhất cũng phải mất đến 24 giờ. Như vậy, trong trường hợp lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp là người dưới 18 tuổi mà cơ quan tiến hành tố tụng chưa liên hệ được người đại diện hợp pháp, hoặc với trường hợp bất khả kháng không có mặt kịp thời, chưa có luật sư chỉ định, thì ngay thời điểm này theo quy định cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư ngay mà không bị gián đoạn, nếu không muốn vi phạm tố tụng, trong trường hợp cần khai thác thông tin nhằm ngăn chặn những người tham gia khác trong cùng một vụ án đó. Như vậy, cần có sự bổ sung quy định phối hợp giữa một bên là cơ quan tiến hành tố tụng và một bên là Đoàn luật sư để giải quyết vụ án đúng theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ Chính trị đề ra, đồng thời cũng bảo đảm được quyền và hợp pháp cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

*Thứ năm*, về quyền và nghĩa vụ của người được bào chữa chỉ định và đại diện hợp pháp của họ. Cần có hướng dẫn và quy định thống nhất về những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa chỉ định, sự chỉ định đó là cần thiết cho các cơ quan tiến hành tố tụng hay là cần thiết cho người phạm tội. Trong trường hợp người phạm tội bị truy tố ở mức hình phạt cao và là người dưới 18 tuổi, nhưng họ vẫn

nhận thức rõ hành vi này là sai trái vì hiện nay về nhận thức của người dưới 18 tuổi cao hơn nhiều so với thời gian trước đồng thời hành vi phạm tội đã rõ nếu họ từ chối người bào chữa chỉ định thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần lập biên bản để đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định, còn họ yêu cầu thay đổi cũng phải cân nhắc kỹ, tránh mất thời gian từ nhiều phía thậm chí bác bỏ yêu cầu này vì người bào chữa nào cũng có trình độ pháp lý như nhau và sự chỉ định bào chữa cũng không phụ thuộc vào ý chí của họ.

### *3.2.2. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật*

Người bào chữa luôn đồng hành cùng với cơ quan tiến hành tố tụng góp phần vào quá trình phát triển xã hội, công bằng và bảo vệ dân chủ trong tố tụng hình sự. Bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 quy định phù hợp đồng thời khắc phục hạn chế những vấn đề quan trọng, pháp luật luôn bảo đảm quyền bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa cho họ khi có sự kiện pháp lý xảy ra, thể hiện sự văn minh, dân chủ trong suốt quá trình tố tụng. Trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị cũng đã khẳng định vai trò của người bào chữa nói chung và đội ngũ luật sư nói riêng trong nền tư pháp của nước ta, đã đề ra nhiều quy định quan trọng nhằm phát huy vai trò cả người bào chữa. Như vậy, để hoạt động bào chữa thật sự đạt hiệu quả trong tố tụng hình sự thì cần nâng cao năng lực trách nhiệm của người mang trọng trách bào chữa cho các vụ án hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội, để đạt được mục tiêu áp dụng pháp luật về bào chữa chỉ định thì cần phải có những yêu cầu sau:

*Thứ nhất*, xây dựng đội ngũ những người làm công tác bào chữa thực sự có năng lực, cần phải có những khuyến khích người bào chữa tham gia tố tụng đối với các vụ án bào chữa chỉ định, tránh những tình trạng né tránh hoặc phân công cho những người bào chữa còn yếu về nghiệp vụ, ngại va chạm hay vì lý do thù lao quá thấp bào chữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội cho đủ thành phần theo quy định để vụ án không bị hủy do vi phạm tố tụng. Thực tế, cho thấy những vụ án rơi vào tình trạng bào chữa chỉ định bởi tính chất nghiêm trọng của vụ việc và người vi phạm là người dưới 18 tuổi, do đó cần phải có người bào chữa có nghiệp vụ giỏi, có

tâm để bào chữa cho họ vì những trường hợp này thông thường là có mức hình phạt khá cao. Đồng thời, phải có những chế tài nghiêm đối với người bào chữa vi phạm quy định của pháp luật và đạo đức nghề. Liên Đoàn luật sư, các Đoàn luật sư thường xuyên tổ chức những buổi tập huấn, trao đổi nghiệp vụ, đồng thời mời các Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên đã hết tuổi công tác theo quy định là những người có chuyên môn, kinh nghiệm sâu để hướng dẫn.

*Thứ hai*, bổ sung những quy định pháp luật nhằm cân bằng quyền và nghĩa vụ giữa người bào chữa và các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo quy định của pháp luật thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án là những cơ quan tiến hành tố tụng, như vậy những chủ thể này được mang quyền lực, nhân danh Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp để tiến hành tố tụng theo quy định của BLTTHS, còn người bào chữa chỉ định là người tham gia tố tụng với tư cách cá nhân nhưng mối quan hệ này vừa là hợp tác vừa là chế định vì cả hai chủ thể luôn hướng tới mục đích tốt là đều bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng trên thực tế khi xảy ra sự kiện thì những chủ thể là cơ quan tiến hành tố tụng mang nặng cơ chế “xin, cho”, người bào chữa còn bị xem nhẹ. Do đó, vị thế của người bào chữa khó trở thành đối trọng cân sức với cơ quan tiến hành tố tụng đầy quyền lực, nên cần có thêm những cải cách và gia tăng thêm quyền hạn để người bào chữa đủ điều kiện khi tham gia tố tụng.

### *3.2.3. Nâng cao năng lực, đạo đức của người tiến hành tố tụng*

Tại Điều 415 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi*” thì những người tiến hành tố tụng phải được đào tạo hoặc có kinh nghiệm, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi, do đó để hoàn thành tốt nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử có bản án nghiêm minh đúng pháp luật thì những người tiến hành tố tụng phải thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức về người dưới 18 tuổi bởi các chuyên gia tâm lý học về người dưới 18 tuổi đồng thời cũng cập

nhật văn bản pháp luật, những kiến thức về tố tụng, có tinh thần trách nhiệm cao khi tiến hành tố tụng những vụ án hình sự có người dưới 18 tuổi, kể cả những cảnh sát hỗ trợ tư pháp. Có như vậy mới bảo đảm không vi phạm tố tụng, mạnh dạn đề xuất những gì có lợi mà đúng quy định pháp luật đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, đối với Điều tra viên thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên đề khởi tố, điều tra vụ án và biện pháp ngăn chặn có người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của BLTTHS năm 2015, cần phải đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra các cấp “*Cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên*”. Trong quá trình công tác, luôn tuân thủ nguyên tắc “*Trọng chứng cứ, tôn trọng sự thật khách quan*”, phải biết kiềm chế tính nóng nảy khi thực hiện nhiệm vụ, kiên quyết và thận trọng trong xử lý công việc đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đối với kiểm sát viên kỹ năng thực hành quyền công tố cần được quan tâm bồi dưỡng thường xuyên, nhất là kỹ năng tranh luận và đối đáp tại phiên tòa, nắm vững mục đích tranh luận và đối đáp nhưng phải thân thiện khi vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội. Phải có tác phong làm việc khoa học với tinh thần trách nhiệm cao, tự giác, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng mọi người. Rèn luyện để giữ vững bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, tuyệt đối không thành kiến, áp đặt ý chí chủ quan. Thận trọng suy xét, cẩn thận trong hành động tránh sai sót, thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong công việc và dám chịu trách nhiệm về công việc đảm nhiệm. Phải thường xuyên trao dồi phẩm chất đạo đức, không thiên lệch trước bất kỳ áp lực nào. Tòa án là “*trung tâm của hoạt động tư pháp*”, thể chế hóa yêu cầu đã được đặt ra tại Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị, đó là quy định tiêu chuẩn cao hơn đối với Thẩm phán, những người quyết định nền tư pháp. Công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán phải luôn đổi mới và tăng cường, hình thức phong phú, toàn diện. kết hợp đào tạo trong nước với đào tạo nước ngoài đồng thời bồi dưỡng kiến xã hội về tâm lý người dưới 18 tuổi nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ xét xử luôn được chú trọng. Trong công tác xét xử luôn phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không bị tác động bởi những áp lực hay bất kỳ dư luận nào.



Thẩm phán phải là người có hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật cao hơn những người khác và luôn luôn cập nhật được những thành tựu mới của hoạt động lập pháp, của khoa học và thực tiễn pháp lý. Thẩm phán có nghiệp vụ cao tức là phải nắm vững quy định của pháp luật, có tư duy và khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra.

#### 3.2.4. Nâng cao tính độc lập của Tòa án trong xét xử

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định cần phải hoàn thiện sự lãnh đạo nhất quán của Đảng đối với công tác tư pháp là: *“Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng cộng sản Việt Nam, bảo đảm sự ổn định chính trị, giữ vững bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*. Nhưng, sự lãnh đạo của Đảng không thể thay thế được bằng cơ chế của Đảng cho cơ quan tư pháp trong việc áp dụng pháp luật hình sự, chính vì điều này nên Đảng đã thông qua việc ban hành các chủ trương, các nghị quyết về công tác lãnh đạo đến từng Đảng bộ khối ngành, trong đó có ngành tư pháp. Trong từng Đảng bộ đó vai trò ngày càng được củng cố vững chắc vị trí, tầm quan trọng trong công tác hoàn thiện pháp luật về bào chữa chỉ định trong tố tụng hình sự nước ta. Để đạt được mục tiêu cải cách tư pháp thì lãnh đạo Đảng triển khai những nghị quyết của Đảng để những đảng viên thực hiện vào thực tiễn theo đúng trình tự thủ tục quy định, khi có những khó khăn, vướng mắc cần phải luôn có sự phối hợp, kết hợp một cách nhất quán để có hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị, phát huy được sức mạnh tập thể để cùng giải quyết.

Tại Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”*. *“2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định”*. *“3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”*, khoản 2 Điều 103 Hiến

pháp năm 2013 quy định: “ 2. *Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*” và Điều 23 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: “*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”.

Trong suốt quá trình xét xử của Tòa án là phải độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, không vì bị tác động của dư luận hoặc từ sự ngại va chạm với các cơ quan khác, do sợ bị ảnh hưởng việc tái bổ nhiệm lại không. Nếu xét thấy không đủ chứng cứ không thuyết phục, thì căn cứ vào Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định rõ: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội*”.

### 3.2.5. *Đảm bảo chế độ, cơ sở vật chất cho cán bộ xử lý tội phạm*

Theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp để giải quyết vụ án, vụ việc thì cần phải xem xét, sửa đổi nâng mức bồi dưỡng vì quy định này không còn phù hợp với mức sống hiện nay tại một thành phố lớn, để họ có mức sống ổn định. Do vậy, cần đổi mới chế độ lương và bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ đối với thẩm phán theo hướng mức lương của thẩm phán không thể bị cắt giảm và phải được điều chỉnh tăng dần cho phù hợp với tốc độ lạm phát trong từng thời kỳ. Ban hành quy định riêng về thang bảng lương cho các ngạch thẩm phán khác với thang bảng lương của công chức hành chính; đồng thời có tính đến yếu tố chất lượng công việc để khắc phục những bất hợp lý của cơ chế hiện nay. Mức lương thẩm phán (khi đã được tính cả các phụ cấp và chế độ khác) cần bảo đảm cuộc sống của bản thân và gia đình ở mức khá so với mặt bằng chung của xã hội, từ đó sẽ tập trung vào công tác có hiệu quả.

### *3.2.6. Nâng cao trình độ, năng lực của người bào chữa*

Người bào chữa nên được đào tạo tính chuyên nghiệp ngay từ khi là sinh viên tại các trường đại học luật, những năm cuối sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các vụ án, tình huống thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc với luật sư có kinh nghiệm, cần có thay đổi mạnh mẽ trong đào tạo luật sư, thông qua định hướng đào tạo nghề nghiệp luật sư trong quá trình học tập tại trường đại học, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng chuyên đề về hình sự nhằm bảo đảm cho luật sư có kiến thức đúng trọng tâm, trọng điểm, thái độ ứng xử cũng thể hiện tính chuyên nghiệp của họ, do đó nên được bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp thường xuyên, tham gia vào các khóa học tâm lý về trẻ em để phục vụ công việc.

### **Tiểu kết Chương 3**

Trong Chương 3, tác giả đã đưa ra các yêu cầu và các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn các quy định pháp luật tố tụng hình sự và các văn bản khác có liên quan đến pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như: Giải thích và hướng dẫn pháp luật; tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội; nâng cao năng lực đạo đức người tiến hành tố tụng; tăng cường cơ chế độc lập của Tòa án khi xét xử; đảm bảo chế độ, cơ sở vật chất cho cán bộ xử lý tội phạm. Trong thực tiễn quá trình giải quyết những vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội, cho thấy phải có những giải pháp để giải quyết các vướng mắc, bất cập và hạn chế nhằm nâng cao chất lượng theo tinh thần cải cách tư pháp.

Những giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết những vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội buộc phải đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo đảm tính khả thi của các giải pháp đã đề ra. Những giải pháp này là có tính kế thừa trong tố tụng hình sự của các Bộ luật trước đây, có sự chọn lọc những quy định pháp luật các nước trên thế giới, đáp ứng được hội nhập quốc tế. Trong công tác tư pháp nói chung, trong tố tụng hình sự nói riêng việc hoàn thiện pháp luật cần phải thực hiện một cách toàn diện, triệt để. Những vấn đề vướng mắc, hạn chế trong BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 đã được bổ sung vào BLTTHS năm 2015, tuy nhiên cần có những thay đổi hơn về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật để bảo đảm quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi khi phạm tội.

## KẾT LUẬN

Quyền con người là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, có tính phổ biến và tính đặc thù, trong đó có đặc thù về đối tượng mà người dưới 18 tuổi là một trong những đối tượng đó. Người dưới 18 tuổi tham gia vào tố tụng hình sự bao gồm nhiều chủ thể khác nhau trong đó điển hình là nhóm đối tượng phạm tội. Quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong tố tụng hình sự là một vấn đề được các ngành khoa học trong đó có luật học và khoa học tố tụng hình sự quan tâm nghiên cứu nhiều.

Lĩnh vực tố tụng hình sự khá “*nhạy cảm*” và có nhiều nguy cơ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi bị xâm phạm rất cao, nhất là trong giai đoạn hiện nay chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền “*của dân, do dân, vì dân*” và công cuộc cải cách tư pháp mà chúng ta đang tiến hành cũng không nằm ngoài mục đích xây dựng Nhà nước pháp quyền. Từ những đặc thù về lĩnh vực quan hệ xã hội, đặc thù về đối tượng, đòi hỏi cần có những cơ chế bảo vệ đặc biệt, trong đó có các quy định của pháp luật tố tụng hình sự thực định, thiết chế đặc biệt.

Mặc dù đã xuất hiện từ giai đoạn đầu của hệ thống pháp luật Việt Nam tồn tại, kế thừa và phát triển hoàn chỉnh. Bào chữa chỉ định với vai trò là bảo đảm cho quyền con người và quyền của công dân khi tham gia tố tụng với tư cách là người phạm tội không bị xâm hại một cách bất hợp pháp, nó trở thành một nhu cầu không thể phủ nhận trong hoạt động tố tụng hình sự. Nhưng bào chữa chỉ định này chưa được độc lập hoàn toàn trong pháp luật về tố tụng hình sự của nước ta. Việc bào chữa chỉ định là hoàn toàn đúng đắn với xu hướng phát triển của quốc tế, phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp của Bộ Chính trị và hệ thống pháp luật quốc tế.

Việt Nam cũng đang đẩy mạnh quá trình cải cách tư pháp, sửa đổi pháp luật sao cho phù hợp với xã hội, hợp lòng dân, đồng thời cũng phù hợp với các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, sửa đổi hệ thống pháp luật về lĩnh vực tư pháp, hướng tới phải bảo đảm cho công dân khi bị vi phạm pháp luật có được sự bảo vệ cần thiết về quyền và lợi ích hợp pháp. Dưới góc độ phân tích toàn diện và khách quan, bào chữa chỉ định không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan trong tố tụng hình sự mà còn thể hiện tính khách quan, vô tư, bảo đảm

cho việc xác định được sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm công bằng, cho nền pháp chế xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước ta đang nỗ lực cùng toàn bộ hệ thống chính trị xây dựng và hoàn thiện.

Thực tiễn cho thấy bào chữa chỉ định ở Việt Nam còn nhiều vướng mắc. Việc xác định rõ những hạn chế, vướng mắc nêu trên và đã làm rõ nguyên nhân hạn chế, vướng mắc đó vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu. Khi Hiến pháp năm 2013 đã xác định trong xét xử những vụ án hình sự thì tranh tụng là nguyên tắc cơ bản đồng thời xác định quyền bào chữa là một trong các quyền con người là quyền cơ bản của công dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Dưới góc độ của luật tố tụng hình sự và xuất phát từ phạm vi, mục tiêu nghiên cứu, của luận văn đã giải quyết được những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, làm rõ được một số những vấn đề lý luận về quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội trong tố tụng hình sự Việt Nam: Xác định được đặc điểm và nội dung thực hiện quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội, vai trò của người bào chữa. Việc nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn cũng như nâng cao nhận thức về sự cần thiết là phải tôn trọng và bảo đảm quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đòi hỏi phải có sự thay đổi một cách toàn diện cả về mặt nhận thức và lập pháp.

*Thứ hai*, khái quát được quyền bào chữa trong quy định của BLTTHS cho người dưới 18 tuổi phạm tội và làm rõ được sự hình thành, phát triển của chế định này và tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

*Thứ ba*, nêu và phân tích được thực trạng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội đồng thời làm rõ những bất cập trong quy định pháp luật về vấn đề này. Làm rõ thực trạng về thực hiện quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam nói chung và ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong những năm gần đây, từ đó đánh giá được những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và cũng đã xác định những nguyên nhân vướng mắc đó. Việc tổ chức Tòa án Gia đình và Người chưa thành niên thành Tòa Chuyên trách trong hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân là một bước đi quan trọng và đúng

hướng nhằm triển khai các chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời thể chế hóa quy định của Hiến pháp về bảo vệ, phát triển gia đình; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và xử lý khi người dưới 18 tuổi phạm tội; thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ quyền trẻ em, người dưới 18 tuổi.

*Thứ tư*, những bất cập, hạn chế, vướng mắc đó đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và người bào chữa trong việc giải quyết vụ án, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm cũng như tinh thần cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đề ra. Do đó, BLTTHS năm 2015 đã ra đời nhằm cải thiện những bất cập ở thực tiễn.

*Thứ năm*, Luận văn đã cơ bản trình bày được các vấn đề lý luận về bản chất pháp lý của những quy định pháp luật tố tụng hình sự quy định về quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi phạm tội đồng thời xác định được giới hạn và cách thức điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự đối với chủ thể đặc biệt này. Trên cơ sở đó người viết đã đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền bào chữa tốt hơn của người dưới 18 tuổi phạm tội như giải thích và hướng dẫn pháp luật; tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật về bào chữa chỉ định cho người dưới 18 tuổi phạm tội; nâng cao năng lực đạo đức người tiến hành tố tụng; tăng cường cơ chế độc lập của Tòa án khi xét xử; đảm bảo chế độ, cơ sở vật chất cho cán bộ xử lý tội phạm.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005) *Nghị quyết 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005) *Nghị quyết 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2006) *Kết luận số 79-KL/TW về Đề án đổi mới tổ chức hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan Điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
4. Mai Bộ (2008) “Nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội”, Tạp chí *Nghề luật*, số 3, tr. 19.
5. Nguyễn Ngọc Chí (2004) *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Cẩm chủ biên (2003) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Lê Đăng Doanh (2009) “Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội - Một số vấn đề cần nghiên cứu”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 9, tr. 25.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010) *Chỉ thị số 48/CT-TW về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, ban hành ngày 22/10/2010, Hà Nội.
9. Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017) *Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động từ năm 2013 đến năm 2017*, thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (1989) *Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989*, ban hành ngày 20/11/1989, Hoa Kỳ.
11. Đỗ Xuân Hồng (2014) *Xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Trần Bình Hưng (2014) *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
13. Nguyễn Ngọc Hòa (2008) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Hòa (2008) *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Phạm Hồng Hải (1999) *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Nguyễn Mạnh Kháng (2007) “Thực hiện dân chủ trong tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 5, tr. 63.
17. Hoàng Thế Liên chủ biên (1996) *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
18. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2013) *Báo cáo về tổ chức, hoạt động của Liên Đoàn Luật sư Việt Nam gửi Bộ Tư pháp*, ban hành ngày 21/11/2013, Hà Nội.
19. Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (2010) *Báo cáo Hội thảo quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam*, ban hành tháng 12/2010, thành phố Hồ Chí Minh.
20. Lê Thị Hồng Minh (2003) *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thành lập cơ quan xét xử người chưa thành niên phạm tội*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Hải Nam (2009) “Hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo chưa thành niên”, Tạp chí *Luật học*, số 11, tr. 41.
22. Đặng Thanh Nga (2008) “Một số đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên phạm tội”, Tạp chí *Luật học*, số 1, tr. 39.



23. Võ Thị Kim Oanh chủ biên (2010) *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đỗ Thị Phương (2007) *Những vấn đề về lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo Bộ Luật tố tụng hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Đỗ Thị Phương (2009) “Sự cần thiết phải thành lập Tòa án Người chưa thành niên ở Việt Nam”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 21, tr. 1.
26. Nguyễn Thái Phúc (2007) “Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự”, Tạp chí *Khoa học Pháp lý*, số 4, tr. 41-45.
27. Quốc hội (2017) *Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015) *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Quốc hội (2015) *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Quốc hội (2014) *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2013) *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2012) *Luật Luật sư sửa đổi, bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội (2006), *Luật Luật sư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Quốc hội (2003) *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc hội (1999) *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (1992) *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Quốc hội (1988) *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. Đinh Văn Quế (2011) “Một số vấn đề về người bào chữa không phải là luật sư”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 13, tr. 39.

39. Tô Huy Rứa (2005) “Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, Tạp chí *Cộng sản*, số 11, tr. 26.
40. Hoàng Thị Minh Sơn (2014) “Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả bào chữa đối với người chưa thành niên”, Tạp chí *Khoa học kiểm sát*, số 1, tr. 33.
41. Lê Hồng Sơn (2002) “Vấn đề thực hiện quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự”, tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 7, tr. 50-51.
42. Hoàng Thị Sơn (2000) “Khái niệm quyền bào chữa bị can, bị cáo”, Tạp chí *Luật học*, số 5, tr. 33.
43. Tòa án nhân dân tối cao (2013) *Báo cáo về công tác của Tòa án tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa VIII (bản tóm tắt)*, ban hành ngày 25/10/2013, Hà Nội.
44. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2018) *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2017*, ban hành ngày 24/01/2018, thành phố Hồ Chí Minh.
45. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2017) *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2016*, ban hành ngày 16/01/2017, thành phố Hồ Chí Minh.
46. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2016) *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2015*, ban hành ngày 27/01/2016, thành phố Hồ Chí Minh.
47. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2015) *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2014*, ban hành ngày 27/01/2015, thành phố Hồ Chí Minh.
48. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2014) *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2013*, ban hành ngày 24/02/2014, thành phố Hồ Chí Minh.
49. Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2016) *Các điều kiện bảo đảm vận hành hiệu quả Tòa Gia đình và*

*Người chưa thành niên khi được tổ chức là Tòa Chuyên trách, Hội nghị sơ kết 06 tháng hoạt động của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tối cao*, ban hành ngày 29/11/2016, Hà Nội.

50. Nguyễn Hữu Thế Trạch (2014) *Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
51. Lại Văn Trình (2011) *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
52. Nguyễn Thị Thanh (2008) *Bảo vệ quyền của người chưa thành niên trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
53. Nguyễn Văn Tuân (2001) “Vai trò của Luật sư trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 09, tr. 18.
54. Nguyễn Văn Tuân (1995) “Bàn về sự tham gia của Luật sư trong các vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số Chuyên đề, tr. 16.
55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011) *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, ban hành ngày 12/7/2011, Hà Nội.
56. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004) *Bình luận Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
57. Võ Khánh Vinh chủ biên (2002) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.